

TRAO ĐỔI

CỔNG “NGƯỜI VÀNG THẾ THÂN”: TỪ SỬ LIỆU CHÍNH THỐNG ĐẾN TRUYỀN THUYẾT DÂN GIÀN

Nguyễn Thanh Tùng*

Cũng như trong lĩnh vực chính trị - quân sự, trong lĩnh vực ngoại giao của các quốc gia (đặc biệt là ở thời cổ trung đại) thường xuất hiện những biến cố, sự kiện được xếp vào dạng “thâm cung bí sử”, ít phổ biến ra bên ngoài. Chính sự bí mật, thiếu công khai đó là một trong những nguyên nhân chủ yếu đã tạo điều kiện cho sự ngộ nhận hoặc diễn giải, thậm chí hư cấu thông tin theo những cách khác nhau, tạo thành các “diễn ngôn” phản ánh hoàn cảnh, mục đích, ý chí và lợi ích riêng của các chủ thể (các bên, các nhóm) mà sự khác biệt điển hình đến từ lĩnh vực chủ quyền dân tộc (ngoại bang và quốc nội, đế quốc và thuộc địa...) và vị thế quyền lực - tri thức (trung tâm, chính thống, bác học và ngoại biên, phi chính thống, dân gian⁽¹⁾). Tìm hiểu sự khác nhau này sẽ cho chúng ta thấy nhiều đặc trưng thú vị trong ý thức, hành động của các lực lượng, các nhóm cũng như sự vận động, tương tác của ý thức, hành động đó trong dòng chảy lịch sử. Hiện tượng cổng “người vàng thế thân” (đại thân kim nhân - 代身金人) trong lịch sử ngoại giao Việt-Trung thời trung đại là một ví dụ điển hình.

1. Cổng người vàng trong sử liệu chính thống Trung-Việt dưới cái nhìn đối chiếu

1.1. Khởi nguồn và tính chất của việc cổng người vàng

Theo sử liệu Trung Hoa, việc cổng “người vàng thế thân” trong quan hệ bang giao Việt-Trung bắt đầu xuất hiện từ thời Nguyên. Khởi nguồn, để lấy cớ chèn ép và nô thuộc An Nam (tức Đại Việt), nhà Nguyên [Chí Nguyên năm thứ 4-1267] đã đưa ra yêu sách “6 việc” (lục sự-六事), đó là: “1) Vua nước ấy phải sang châu; 2) Cho con em vua sang làm con tin; 3) Biên nộp hộ khẩu trong nước; 4) Góp quân lính; 5) Đóng sưu thuế; 6) Đặt chức Đạt lỗ hoa xích để cai trị”.⁽²⁾ Vua Trần là Trần Quang Bính 陳光昺 (tức vua Trần Thánh Tông 陳聖宗, tên thật là Trần Hoảng 陳晃) lần lữa không tuân theo. Năm 1278, nhà Nguyên lại sai sứ thần Sài Thung 柴椿 sang An Nam đòi Trần Nhật Huyền 陳日烜 (tức Trần Nhân Tông 陳仁宗, tên thật là Trần Khâm 陳吟) “nhập cận” (lấy cớ Nhật Huyền “tự lập” không xin phép và vua Nguyên mới đổi tên nước là “Đại Nguyên”, đòi ông sang chúc mừng). Vua Trần lấy cớ từ nhỏ sinh trưởng trong cung, sức khỏe yếu, không quen thủy thổ để từ chối. Sứ Nguyên về nước, vua Trần sai sứ là Trịnh Quốc Toản 鄭國瓚 [tức Trịnh Đình Toản 鄭廷瓚], Đỗ Quốc Kế 杜國計 sang sứ để biện bạch. Nhà Nguyên không chấp thuận. Năm 1279, Sài Thung lại sang An Nam cật vấn vua Trần tự tiện lên ngôi và không sang châu. Vua Trần tiếp tục tìm nhiều cách từ chối, sứ giả hai nước qua lại rất nhiều để thương thảo nhưng không có kết quả. Cuối cùng nhà Nguyên đưa ra một cách thức được họ cho là nhượng bộ, thỏa

* Khoa Ngữ văn, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

hiệp đó là dùng “người vàng thế thân”. Chiếu dụ của vua Nguyên yêu cầu và đe dọa: “Nếu quả không thể tự mình sang châu, thì hãy gom vàng [đúc tượng] thay cho thân mình, dùng 2 hòn ngọc để thay cho mắt mình, lại phụ thêm hiền sĩ, phương kỹ, con gái, thợ thuyền mỗi hạng hai người, để thay cho dân trong nước. Nếu không theo thì hãy sửa sang thành trì mà đợi sự phán xử của ta”.⁽³⁾ Vua Trần vẫn không chấp nhận nhưng có nhượng bộ bằng cách đưa chú là Trần Di Ái 陳遺愛 sang thay châu. Sự việc sau đó, như chúng ta đều rõ: 2 lần (1285, 1288) nhà Nguyên cất quân chinh phạt An Nam và đều thất bại thảm hại. Mặc dù vậy, năm 1288, nhà Nguyên vẫn sai sứ Lý Tư Diễn 李思衍, Vạn Nô 萬奴 sang An Nam đòi vua Trần vào châu và đe dọa tiếp tục đem quân sang đánh để rửa hận.⁽⁴⁾ Trước áp lực to lớn đó, vua Trần buộc phải nhượng bộ bằng cách “lại sai sứ sang tạ, dâng người vàng để tạ, gánh thay tội cho bản thân”.⁽⁵⁾ Nhà Nguyên vẫn tiếp tục hạch sách đòi vua Trần vào châu thêm vài lần nữa, nhưng chấm dứt hẳn việc động binh. Như vậy, theo sử Trung Hoa, đây là lần đầu tiên An Nam cống “người vàng thế thân”. Cũng theo sử liệu Trung Hoa, người vàng ở đây là để thay thế cho vua An Nam, biểu hiện sự cung thuận, thần phục của nước “chư hầu” với “thiên triều” trong một mối quan hệ bang giao theo kiểu “triều cống” bất cân xứng.⁽⁶⁾ Ngoài ra, theo phân tích của các nhà nghiên cứu phương Tây, hiện tượng sử dụng cống vật như thế còn ẩn chứa mối quan hệ kinh tế đặc biệt.⁽⁷⁾

Ngược với sử liệu Trung Quốc, sử chính thống Đại Việt hầu như không ghi chép về việc cống “người vàng thế thân” dưới triều Trần. Các sách *Đại Việt sử lược*, *An Nam chí lược*, *Đại Việt sử ký toàn thư* (*Toàn thư*) tuy có ghi chép một số sự kiện ngoại giao liên quan⁽⁸⁾ nhưng không chép việc nhà Nguyên đòi cống người vàng cũng như việc nhà Trần đáp ứng đòi hỏi đó. *An Nam chí lược* của Lê Tắc chỉ chép sự kiện năm 1288, sứ Đại Việt có sang nhà Nguyên cống “phương vật” mà không ghi rõ là gì.⁽⁹⁾ Đến Ngô Thì Sĩ, trong *Việt sử tiêu án*, *Đại Việt sử ký tiền biên* (*Tiền biên*) rồi sử thần nhà Nguyễn trong *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* (*Cương mục*), có dẫn lời chiếu dụ của vua Nguyên nhưng có sửa đổi văn từ. Chẳng hạn, *Tiền biên* chép: “Theo sử phương Bắc, trước đây vua Nguyên nhiều lần sai sứ dụ vua vào châu, vua ta đều không nghe. Vua Nguyên lại sai sứ sang dụ rằng: Nếu quả thực không tự mình đến, thì nên đem vàng bạc châu báu sang thay và đem những bậc hiền sĩ, những thợ giỏi mỗi loại hai người để phụ bên”.⁽¹⁰⁾ Về khởi nguồn lệ cống người vàng thời Nguyên, duy có tờ *Bẩm Phúc đại nhân* 稟福大人 trong *Bang giao hảo thoại* 邦交好話 của Ngô gia văn phái có nhắc đến nhưng phủ nhận việc nhà Trần tuân theo. Tờ bẩm viết: “Trộm xét: lệ này có từ năm nhà Nguyên chinh phạt nhà Trần. Vua Trần quy thuận cầu phong, Trung Quốc sai Quốc vương nước ấy vào châu. Vua Trần lấy cơ bệnh tật từ tạ. Vì thế, [nhà Nguyên] sức cho phải chuẩn bị người vàng làm thành hình dạng Quốc vương, để thay mình vào châu. Vua Trần lấy lý do việc này xưa không có [từ chối], cuối cùng tránh được”.⁽¹¹⁾ Phải đến tận cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, việc nhà Trần cống người vàng mới được ghi nhận thông qua việc tra cứu sử liệu Trung Hoa. Sách *Cổ kim giao thiệp sự nghi thông khảo* 古今交涉事儀通考 (Khuyết danh) dẫn *Nguyên sử loại biên* 元史類編 thừa nhận sự khác biệt giữa sử Việt và sử Trung Hoa và cho rằng sử Trung Hoa “so với sự ghi chép của sử Việt giúp làm rõ hơn chỗ sơ lược của nhau”.⁽¹²⁾ Song từ trước đến nay, dường như chưa có công trình nào dẫn dụng sách này, do đó, kết quả khảo cứu của nó không được phổ biến rộng rãi.

Vậy là, trong hầu suốt thời kỳ trung đại, đã có sự lệch pha giữa sử Việt và sử Trung Hoa. Ta thấy các sách sử sớm nhất của Đại Việt (như *Đại Việt sử lược*, *Toàn thư*...) không hề hé lộ việc nhà Nguyên đòi người vàng và nhà Trần xử lý ra sao. Mãi đến thế kỷ XVIII, sự việc mới dần được đề cập đến (ở những mức độ khác nhau) nhưng vẫn còn chưa rõ ràng (đặc biệt là *Tiền biên*, *Việt sử tiêu án* và *Cương mục* như đã dẫn). Tờ *Bẩm Phúc đại nhân* là tài liệu “đối ngoại” (so với các bộ sử có tính “đối nội” là chủ yếu), kết hợp cả sử liệu chính thống và truyền thuyết dân gian mới một phần thừa nhận gốc gác đó (vì đây là điều nhà Thanh hẳn nắm rõ và nêu lên làm lý do để đòi cống người vàng, không thể phủ nhận như đối với người trong nước), nhưng vẫn phủ nhận việc nhà Trần chấp nhận cống “người vàng thế thân”. Còn sách *Cổ kim giao thiệp sự nghi thông khảo* là một tài liệu khảo cứu tư nhân (chứ không phải chính sử), lại xuất hiện muộn trong thời buổi chữ Hán đang dần bị thu hẹp phạm vi ảnh hưởng, nên không có ảnh hưởng rộng rãi. Thành thử, việc nhà Trần có cống người vàng gần như không được thừa nhận.

Vì sao có hiện tượng trên? Trở lại nguyên ủy của vấn đề, ta thấy việc nhà Nguyên đòi cống “người vàng thế thân” hẳn là có thật (được sử liệu hai bên thừa nhận ở những mức độ khác nhau), thể hiện thái độ rất kẻ cả, ngạo mạn của chúng. Việc vua Trần kháng cự cũng là có thật, được chính sử nhà Nguyên ghi lại, thể hiện ý chí cứng cỏi, độc lập của nhà Trần. Nhưng, năm 1288 nhà Trần có cống người vàng hay không thì hai bên có quan điểm khác nhau. Có 2 giả thiết được đặt ra. *Một là*, việc này là có thật, sử nhà Nguyên ghi chép chân thực với một sự tự mãn vốn có (nhưng có phần gượng gạo) đối với Đại Việt. Điều đó, nếu có, thực ra cũng không lấy gì làm ngạc nhiên, bởi dù chiến thắng quân Nguyên, nhưng trước áp lực của một nước lớn mạnh hơn nhiều lần, vua Trần phải chọn biện pháp cầu hòa. Nếu một lễ cống người vàng có thể tránh được can qua, chết chóc thì có lẽ vua Trần cũng nên làm. Đó là một sự thỏa hiệp, nhượng bộ (trên thế thắng) để đổi lấy hòa bình. Việc này sau đó nhiều vị vua khác của Đại Việt cũng làm theo. *Hai là*, có thể sử thần nhà Nguyên đã “chế tác” ra sự kiện này để tô vẽ, lấy lại thể diện cho vua quan nhà Nguyên sau 2 lần thất bại cay đắng. Hiện tượng đó không phải không thường xảy ra (khi sử Trung Hoa thường viết thế nào để giảm nhẹ thất bại của họ ở Đại Việt). Nếu đúng như vậy thì sử Việt đã phản ánh sự thực, và ngầm bác bỏ sử Trung Hoa. Nhưng nếu giả thiết thứ nhất là đúng thì tại sao sử Việt bỏ qua, rất ít nói đến và dần dần mới hé lộ phần nào? Điều này có thể có nguyên nhân khách quan và chủ quan. Về khách quan, việc bang giao không phải ai cũng biết đến, đó là một bí mật quốc gia, kể cả sử quan đương thời cũng chưa chắc được biết, nhất là những việc nhạy cảm. Hơn nữa, trong hoàn cảnh binh lửa, việc sử quan khó nắm bắt đầy đủ tình hình cũng có khả năng xảy ra. Sử quan đương thời có thể cũng không có điều kiện được tiếp xúc với những tư liệu Trung Hoa để tham khảo, đối chiếu.⁽¹³⁾ Về chủ quan, đây là vấn đề tế nhị, có liên quan đến thể diện quốc gia (quốc thể), nên sử gia không muốn phổ biến rộng rãi, gây bất lợi cho triều đại. Điều đó trở thành một ý thức ám ảnh các sử gia không chỉ đương thời mà còn về sau khiến họ tìm cách làm “nhoe”, “mờ” sự kiện cống người vàng, đặc biệt là nếu nó liên quan đến triều đại họ đang phụng sự. Chẳng hạn, mặc dù tra cứu cẩn thận tư liệu Trung Hoa⁽¹⁴⁾ và hẳn biết đến nội dung chiếu dụ của

nhà Nguyên và trích dẫn nó,⁽¹⁵⁾ nhưng Ngô Thì Sĩ và sử thần nhà Nguyễn đã diễn thích lời văn của chiếu dụ đó đủ đến mức khiến người ta không còn nhận ra yêu sách đòi người vàng của nhà Nguyên nữa (qua đó làm mờ dấu vết về sự kiện cống người vàng thời Trần). Điều này khiến cho thông tin về việc cống người vàng thời Trần hầu như bị chìm khuất. Ý kiến của Hoa Bằng sau đây cho thấy tác động của việc diễn thích trên đối với nhận thức của người đời sau về việc nhà Trần có cống người vàng: “Có lẽ ở chỗ này có nói người Nguyên bảo vua Trần nếu không sang châu thì phải dâng vàng ngọc để thay thế, nên người sau mới vin đó làm cớ, rồi đổ thừa cho vua Trần là người khởi đầu đem cống người vàng chẳng”.⁽¹⁶⁾ Ở đây, có lẽ cũng còn có cả sự ưu ái lớn dành cho nhà Trần (các triều đại sau không được may mắn như vậy, nhất là triều đại đối kháng với triều đại đương thời), một triều đại vũ công oanh liệt trong lịch sử dân tộc (tâm lý này còn ảnh hưởng lâu dài đến thời hiện đại). Ngay tác giả tờ *Bẩm Phúc đại nhân* khi thừa nhận lệ cống người vàng cũng bác bỏ việc triều Trần tiến cống (ở đây mục đích của nó không chỉ để khẳng định tinh thần dân tộc, mà còn là phục vụ cho nhiệm vụ ngoại giao hiện tại: chống lại việc Phúc Khang An đòi cống người vàng). Rõ ràng, làm gì có sự cung thuận ngoan ngoãn, vô điều kiện, mặc nhiên đối với những yêu sách vô lý và ngạo mạn của “thiên triều” như sử gia và các nhà nghiên cứu Trung Hoa hay phương Tây khẳng định. Nếu phải làm thì đó cũng chỉ là một việc làm “quyền biến”, bề ngoài, có điều kiện và trong những tình thế bắt buộc, cần được xử lý kín đáo. Mặt khác, đó cũng là động thái để giữ gìn thể diện cho chính “thiên triều”, xoa dịu sự bức bối, kiêu căng của chúng, bởi việc chấp thuận dâng người vàng không thường xảy ra trước các trận chiến (khi “thiên triều” yêu sách và đe dọa) mà xảy ra sau khi “thiên triều” đã thất bại thảm hại (về sau cơ bản cũng vậy, điển hình là trường hợp Lê Thái Tổ),⁽¹⁷⁾ hoặc cảm thấy không lợi khi can thiệp quá sâu vào tình hình Đại Việt, đơn giản chỉ muốn “đục nước béo cò” (như trường hợp nhà Mạc và nhà Lê Trung hưng). Giả dụ nhà Trần chấp nhận ngay từ đầu việc dâng người vàng thì liệu nhà Nguyên có dừng lại ở đó mà thôi! Thực tế lịch sử cho thấy không có chuyện đó (chẳng hạn Trần Quý Khoáng 陳季擴 3 lần sai sứ sang nhà Minh, trong đó có lần đem cả người vàng thế thân, nhưng nhà Minh thẳng thừng từ chối, hoặc giả vờ nhận nhưng sau lại lật lọng là bởi vì chúng đang trên thế áp đảo). Vậy nên nói cho công bằng, việc chấp nhận tiến cống người vàng là sự nhượng bộ, thỏa hiệp của cả hai bên chứ không chỉ riêng bên nào: với “thiên triều” là để thỏa mãn tư tưởng “Hoa tâm”, “Đại Hán” của họ (nhiều khi cũng là kiểu AQ chủ nghĩa rất hài hước) và với Đại Việt thì nó là một động thái khôn khéo để “hàn gắn” mối quan hệ bang giao bị tổn thương bởi chiến tranh giữa hai nước, củng cố hòa bình, ổn định hoặc đạt được sự công nhận về danh nghĩa của triều đình phương Bắc (nhiều khi quan trọng để đạt được tính chính danh ở bên trong). Điều này được thể hiện rõ hơn qua các lần cống người vàng về sau.

1.2. Diễn biến lệ cống người vàng

Sử liệu Trung Hoa ghi nhận lần tiến cống người vàng lần thứ 2 là do Trần Cảo 陳昊 (thực chất là Lê Lợi, tức Lê Thái Tổ) tiến hành sau thắng lợi của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn. Trước đó, sử liệu Trung Hoa (tuy không phải chính sử) cũng ghi nhận việc nhà Minh sai sứ sang dụ cha con Hồ Quý Ly cống người

vàng, nhưng bị từ chối thẳng thừng.⁽¹⁸⁾ Đó là một trong những cái cớ để nhà Minh động binh, dẫn đến 20 năm nhà Minh đô hộ Đại Việt. Năm Tuyên Đức thứ 3 (1428), *Minh thực lục* 明實錄 ghi nhận việc Trần Cảo “sai người mang biểu đến trần tình tạ tội, cống người vàng, người bạc thế thân”.⁽¹⁹⁾ Năm Tuyên Đức thứ 4 (1429), *Minh sử* 明史 lại ghi nhận việc Lê Lợi “tiến cống phương vật và người vàng thế thân”.⁽²⁰⁾ Đến năm 1433, Lê Lợi mất, con là Lê Lân (tức Lê Thái Tông, tên thật là Lê Nguyên Long 黎元龍) lên ngôi, nhà Minh sai bọn Từ Kỳ 徐琦 sang điều tang đồng thời vận hỏi về việc “thuế cống không như ngạch [đã định]” và “quân sĩ đánh phương Nam chưa về hết”. Nghe lời của Từ Kỳ “khuyến bảo chuyện họa phúc”, vua Lê (mới lên ngôi) lại sai sứ sang dâng cống người vàng và phương vật vào năm 1434.⁽²¹⁾ Từ đó đến hết thời Lê sơ, sử liệu Trung Hoa không ghi nhận thêm đợt cống người vàng nào nữa. Phải sang thời Mạc và Lê Trung hưng, việc cống người vàng mới được nối lại. Nguyên do là nhà Minh lấy cớ nhà Mạc tiếm ngôi, lại xâm phạm biên cảnh, dọa động binh tiêu phạt. Mạc Đăng Dung (tức Mạc Thái Tổ) trước sức ép đó buộc phải chấp thuận một số đòi hỏi của nhà Minh như: trả lại mấy động ở biên giới (thực ra vốn đã của nhà Minh), Mạc Đăng Dung tự thân chịu trời (tượng trưng) đến trấn Nam Quan “đầu hàng” và dâng cống người vàng, người bạc thay mình. Việc này được sử nhà Minh ghi là vào năm Gia Tĩnh thứ 19 (1540).⁽²²⁾ Trong thời Vạn Lịch (1573-1620), nhà Lê Trung hưng đánh đuổi nhà Mạc ra khỏi Thăng Long, sai sứ sang Minh cầu phong. Nhà Minh nghi ngờ có việc “mạo nhận” con cháu nhà Lê, lại ra điều kiện để thông hiếu, gồm 3 khoản: an táp hậu duệ nhà Mạc [ở Cao Bằng]; xin chịu trời lên “nghiêm khám” ở trấn Nam Quan; dâng tiến người vàng. Ban đầu, nhà Lê Trung hưng không chấp nhận 3 điều kiện trên, chỉ muốn dùng 100 cân vàng, 1.000 lạng bạc (tương đương 60,5kg vàng và 37,8kg bạc) để thay người vàng. Tuy nhiên, nhà Minh kiên quyết không nghe. Việc thương thảo diễn ra khá dang dở. Năm Vạn Lịch thứ 25 (1597), Lê Duy Đàm (tức Lê Thế Tông) lên trấn Nam Quan hội khám và bàn định lễ nghi cống phẩm, dâng người vàng chấp nhận theo yêu cầu của nhà Minh.⁽²³⁾ Cũng năm đó, Phùng Khắc Khoan được cử sang sứ Yên Kinh, dâng người vàng như đã thống nhất. Từ đó, hai bên nối lại việc bang giao với định lệ thuế cống thông thường.

Từ đây về sau không thấy sử Trung Hoa ghi nhận việc cống người vàng nữa. Điều này có nguyên nhân lịch sử của nó: từ khi nhà Thanh lên thay nhà Minh, ở Đại Việt không xảy ra biến cố thay đổi triều đại nào để nhà Thanh lấy cớ đòi người vàng (như quan niệm của họ được phản ánh trong tờ *Bẩm Phúc đại nhân*). Chỉ đến khi nhà Tây Sơn thay nhà Lê, việc này có được đặt ra trong một bộ phận quan lại nhà Thanh (điển hình là Phúc Khang An), nhưng nó nhanh chóng bị khước từ cũng như được hóa giải bởi việc “triều cận” của Nguyễn Huệ. Sự việc này được phản ánh trong hai bài thơ (và lời chú thích) của vua Càn Long (tức Thanh Cao Tông) tặng cho Nguyễn Văn Bình (tức Quang Trung Hoàng đế) vào hai dịp: khi Quốc vương An Nam sang triều kiến Càn Long tại Yên Kinh năm 1790⁽²⁴⁾ và khi ông tạ thế vào năm 1792.⁽²⁵⁾ Trong đó, Càn Long tỏ ý chê cười việc cống người vàng của các triều đại trước.

Diễn biến lệ cống người vàng trong sử liệu Việt Nam cũng khá phong phú và có những khác biệt nhất định, vừa bổ sung vừa “tranh luận” với sử liệu Trung Hoa.

Thời Hồ, sử liệu Việt Nam không ghi nhận việc cống người vàng. Tuy nhiên, đến thời Hậu Trần, có một sự kiện mà sử Trung Hoa không ghi nhận và cũng ít được dư luận chú ý đến. Đó là việc Trần Quý Khoáng (tức vua Trùng Quang 重光帝) sai sứ sang Trung Hoa cống người vàng, người bạc để cầu phong.⁽²⁶⁾ Nếu sự kiện này là thực thì ngay từ *Toàn thư*, sử Việt đã thừa nhận việc cống người vàng không chỉ đến Lê Thái Tổ mới có. Và thực ra, việc này cũng không phải là khó hiểu. Nếu liên hệ với sử Trung Hoa, ta sẽ thấy logic ở đây là: thời Hồ, nhà Minh sang đòi cống người vàng (và hứa bãi binh, khôi phục họ Trần), nhà Hồ không chấp nhận, kháng cự lại. Trần Quý Khoáng kháng Minh đã chủ động xin cống người vàng (để xin bãi binh và cầu phong), nhưng nhà Minh không chấp nhận (đủ thấy lý do đòi cống người vàng rất phi lý và chỉ là cái cớ để xâm chiếm Đại Việt). Phải đến khi Lê Lợi thắng trận, đem người vàng sang cống [theo yêu cầu của nhà Minh], chúng mới chấp nhận để vớt vát chút thể diện của bản thân “thiên triều” trong tình thế “sa lầy” ở Đại Việt.⁽²⁷⁾

Có nhiều sử liệu Việt Nam cung cấp về việc cống người vàng thời Lê sơ. Sớm nhất là có lẽ là những bức thư của Trần Cảo và Lê Thái Tổ (chủ yếu do Nguyễn Trãi chấp bút) gửi cho các tướng nhà Minh hứa hẹn sẽ đúc người vàng tiến cống để hòa giải vào năm 1427.⁽²⁸⁾ Những bức thư này cho thấy việc tiến cống người vàng đã được hai bên đưa ra thương thảo trong một thời gian nhất định. Nhưng phía nào đề xuất trước? Căn cứ vào bức *Dữ Liễu Thăng thư* 與柳升書, Trần Văn Nguyên cho rằng Lê Lợi đã chủ động đề xuất tiến cống người vàng trước.⁽²⁹⁾ Nhưng theo chúng tôi, chưa hẳn đã là như vậy. Đó là cái nhìn “ngắn hạn” không đặt trong bối cảnh lịch sử và thiếu chứng cứ chuẩn xác.⁽³⁰⁾ Nếu nhìn trong trường kỳ lịch sử thì phải thấy rằng, không phải ngẫu nhiên mà xuất hiện việc cống người vàng của Lê Lợi. Như ta biết, theo *Thù vực chu tư lục*, năm 1405, nhà Minh đã sai Hành nhân Chu Khuyển sang dụ nhà Hồ tiến cống người vàng.⁽³¹⁾ Có nhiều chi tiết lại cho thấy, việc gợi ý dâng cống để hòa hoãn là từ phía nhà Minh (mà đại diện là Vương Thông). Bởi Vương Thông, khi đem quân sang cứu viện bị Lê Lợi đánh bại phải vào Đông Quan cố thủ (cuối năm Bính Ngọ 1426 - đầu năm Đinh Mùi 1427), đã “sai người dụ vương [tức Lê Lợi - NTT] bãi binh thông hòa, cầu phong cho Trần Cảo, vương ứng cho. Thông yêu cầu vua sai sứ sang Yên Kinh cống sản vật địa phương”.⁽³²⁾ Như vậy, rất có thể việc Lê Lợi cống người vàng trực tiếp là từ yêu cầu “cống sản vật địa phương” của Vương Thông và gián tiếp là từ chuỗi áp lực, yêu sách, thậm chí “mời mọc” liên tục của nhà Minh trong nhiều năm trước. Theo đó, sử Việt ghi 2 lần nhà Lê chính thức tiến cống người vàng. Lần thứ nhất, năm 1427 (Chánh sứ Lê Thiếu Dĩnh dẫn đầu sứ bộ sang tạ ơn việc nhà Minh phong Trần Cảo làm An Nam Quốc vương và tiễn đội quân Vương Thông về nước).⁽³³⁾ Lần thứ hai là năm 1428 (Chánh sứ Hà Lạt dẫn đầu sứ bộ sang báo tin Trần Cảo đã mất, họ Trần đã tuyệt, xin cho Lê Lợi quản lý đất nước).⁽³⁴⁾ Như vậy là liên tiếp trong 2 năm (1427, 1428), đã có 2 sứ đoàn sang tiến cống người vàng. Điều này sử nhà Minh đều có ghi nhưng thời gian chậm hơn 1 năm do việc bên ghi năm đi, bên ghi năm đến. Riêng việc tiến cống người vàng năm 1434 dưới thời Lê Thái Tông thì không được sử Việt nhắc đến.⁽³⁵⁾ Tuy nhiên, sách *Bang giao lục* 邦交錄 của Lê Thống 黎統 (biên soạn năm 1819) có nhắc đến một chi tiết là năm Thuận Thiên thứ 6 (1433), Lê Thái Tổ sai sứ thân sang tuế cống và

“giải việc người vàng”.⁽³⁶⁾ Phải chăng, trước đó nhà Minh vẫn tiếp tục yêu sách cống người vàng nên nhà Lê phải có động thái này?⁽³⁷⁾ Nhưng việc chưa xong thì Lê Thái Tổ mất, Lê Thái Tông lên thay. Trong tình trạng “non nớt”, lúng túng về chính trị, phải chăng ông đã chấp nhận dâng người vàng thêm một lần nữa. Có lẽ đây là một việc vụn vặt bất đắc dĩ, một “sai lầm” của Lê Thái Tông nên không được công khai trong sử Việt? Hay một lần nữa, sử nhà Minh lại dựng nên chuyện này? Điều đó khó mà xác quyết được. Chỉ có điều, rõ ràng đây lại là một ví dụ điển hình cho thấy cách tiếp cận vấn đề người vàng của mỗi bên là rất khác nhau. Và cũng ở đây, tính chất của việc cống người vàng để đạt được sự công nhận của “thiên triều” (vốn cũng có sức nặng rất lớn cả về “đối ngoại” lẫn “đối nội”, đặc biệt là về tính chính thống của triều đại đó) đã hiện rõ và có ảnh hưởng lâu dài về sau (không phải ngẫu nhiên mà nhà Lê sơ chấp nhận cống người vàng đến 3 lần!).

Thời Mạc và Lê Trung hưng, về cơ bản sử Việt tương ứng với sử Trung Hoa. Tuy nhiên có những sự khác biệt nhất định về thời điểm và tình tiết. Sự kiện nhà Mạc cống người vàng được *Toàn thư* ghi nhận vào năm 1528,⁽³⁸⁾ nhưng *Lịch triều hiến chương loại chí (Loại chí)* lại ghi nhận trùng với thời điểm nhà Minh ghi nhận (1540).⁽³⁹⁾ Vậy sự thể thế nào? Liệu đó có phải là hai lần tiến cống người vàng khác nhau của nhà Mạc? Theo chúng tôi, có lẽ không phải như vậy. Năm 1528, nhà Mạc chưa thể tiến cống cho nhà Minh (vì nhà Minh không dễ chấp nhận ngay, việc giao thiệp giữa hai bên cũng rất khó khăn như sử liệu hai bên đều ghi nhận). Có hai khả năng xảy ra. Một là, *Toàn thư* chép như vậy là nhằm cố ý hạ thấp, bôi nhọ nhà Mạc đã “nhanh nhẩu” cống người vàng (lễ vật, cất đất...) cho nhà Minh. Việc cố ý hạ thấp này không phải là hiếm trong *Toàn thư* (chẳng hạn chép việc nhà Mạc cắt đất biên giới cho nhà Minh mà sau này sử gia nhà Nguyễn và các nhà nghiên cứu hiện đại đã đính chính). Cũng có thể lúc bấy giờ loạn lạc, sử gia nhà Lê không nắm được tình hình thực tế, nên phán đoán sai lầm (mà đời sau dù có điều kiện cũng không sửa). Thứ hai, cũng có thể điều này phản ánh một quá trình thương thuyết lâu dài giữa nhà Mạc và nhà Minh. Theo khảo sát *Minh sử* và các tư liệu liên quan, có thể dựng lại diễn biến một cách khái quát như sau: nhà Mạc chủ trương tiếp xúc với nhà Minh từ sớm (1528) để ngăn chặn trước việc những nhiều từ phương Bắc (nhằm đốc toàn lực củng cố nội bộ), nhưng con đường bang giao rất khó khăn⁽⁴⁰⁾ (và ngay từ đầu không phải nhà Mạc đã có chủ trương cống người vàng như *Toàn thư* chép). Sự tiếp xúc thực sự giữa hai bên diễn ra vào khoảng năm 1537 và phải đến năm 1540, nhà Minh mới chấp nhận lễ cống sau rất nhiều sự rục rịch chuẩn bị động binh rồi lại bãi bỏ để thương thuyết, “hội khám” (do nhà Minh cảm thấy cũng không dễ xâm chiếm lại Đại Việt, và một trong những yêu sách để công nhận tính “chính danh” của nhà Mạc là việc cống người vàng). Về sau, nhà Mạc cũng không tiến cống người vàng nữa mà thay bằng các đồ vật thông thường nhưng có giá trị vật chất thậm chí hơn trước.⁽⁴¹⁾

Về việc tiến cống người vàng của triều Lê Trung hưng, sử Việt ghi chép rất cẩn thận và khá chi tiết. Lúc bấy giờ (1595-1597), nhà Lê Trung hưng cơ bản đã đánh đuổi được nhà Mạc khỏi Thăng Long, đề nghị sang Minh cầu phong (dâng 100 lạng vàng, 1000 lạng bạc và sản vật), tuy nhiên nhà Minh đây đưa không thuận và đòi cống người vàng.⁽⁴²⁾ Hai bên trải qua một số lần chuẩn

bị, thương thảo căng thẳng, giằng co kéo dài khoảng 2 năm.⁽⁴³⁾ Mãi đến năm 1597, việc hội khám mới được tiến hành⁽⁴⁴⁾ và chuyển đi sứ của Phùng Khắc Khoan đã kết thúc câu chuyện cống người vàng.⁽⁴⁵⁾ Qua ghi chép của *Toàn thư*, *Cương mục*..., có thể thấy rõ sự sách nhiễu, hách dịch, ngang ngược của nhà Minh và sự đấu tranh của triều Lê Trung hưng. Việc sử Việt ghi chép chi tiết như vậy (so với các lần trước), ngoài nguyên nhân thuận lợi về thông tin tiếp cận, dường như còn có ý tố cáo sự “quá đáng” của “thiên triều” chứ không đơn giản chỉ là tường thuật sự việc. Việc ghi chép chi tiết đó (so với việc ghi chép có phần sơ sài và thiếu chính xác về việc cống người vàng của nhà Mạc) dường như cũng nhằm đề cao tinh thần “phản kháng” của nhà Lê Trung hưng (so với sự thần phục nhanh chóng triều Minh của nhà Mạc). Kể từ đây về sau sử Việt không ghi nhận lần tiến cống người vàng nào khác.

Sang thời Tây Sơn, sau chiến thắng năm Kỷ Dậu (1789), một lần nữa, yêu sách người vàng lại được nhà Thanh đặt ra với triều Tây Sơn. Tờ *Bẩm Phúc đại nhân* xác nhận nhà Thanh đòi 1 người vàng thế thân với cái cớ: trước đây, mỗi khi có sự thay đổi triều đại đều phải cống người vàng. Tờ bẩm là nỗ lực bác bỏ yêu sách này. Không rõ diễn biến của sự tranh biện giữa hai bên ra sao (sử liệu hai bên đều không chép),⁽⁴⁶⁾ nhưng vấn đề đã trở nên đơn giản hơn rất nhiều (thậm chí vô nghĩa) khi hai bên đã “dàn xếp” được chuyển triều cận của Quang Trung Nguyễn Huệ (không rõ là giả hay thật) năm 1790.⁽⁴⁷⁾ Việc Càn Long làm 2 bài thơ tặng Quang Trung trong đó chê bai việc cống người vàng của các triều đại trước đã xác nhận chuyển “triều cận” này đã có sức nặng hơn nhiều việc cống “người vàng thế thân” và khiến cho ông ta hết sức tự phụ theo kiểu “phép thắng lợi tinh thần” trước các triều Nguyên, Minh. Lời chú bài thơ điệu Quang Trung cho thấy rõ điều đó.⁽⁴⁸⁾ Lời chú viết: “Nước An Nam thời Nguyên Minh, có dám Trần Nhật Huyền, Mạc Đăng Dung, Lê Duy Đàm, đều vì hoài nghi mà không dám tự mình vào triều cận, đều dâng người vàng thế thân, có lẽ là do triều đình Trung Nguyên đã không có đủ uy tín để thu phục lòng họ, lại chuốc lấy câu chuyện cười về việc tham tiền mưu vật, rất là đáng chê bai. Như Nguyễn Quang Bình tự mình đến sơn trang để triều cận, cái tình yêu mến nâng niu, chẳng khác gì cha con trong nhà, quả là trong sử sách chưa từng có. Lễ đãi ngộ của trẫm, cũng chẳng nở mà không thêm ưu ái khác biệt vậy”.⁽⁴⁹⁾ Lời Càn Long châm biếm các triều đại trước đòi cống người vàng đã tạo nên tình thế “há miệng mắc quai” cho các vua nhà Thanh sau này nếu muốn yêu sách cống người vàng (vả lại, lúc bấy giờ thế lực nhà Thanh cũng đã suy yếu) khiến cho việc đòi cống người vàng về sau không còn cơ hội tái diễn.

Xét lại toàn bộ diễn biến của lệ cống người vàng, ta thấy đây không phải một định lệ, có tính chất thường xuyên như kiểu thuế cống. Nhưng nó cũng không phải không có quy luật. Điều này được chính quan lại triều Thanh thừa nhận. Trong tờ *Bẩm Phúc đại nhân*, tác giả đã cho chúng ta thấy quan niệm của triều đình quân chủ Trung Hoa khi thuật lại quan niệm của họ: “Được nghe chỉ dạy rằng: Theo lệ, buổi đầu thay đổi các triều đại, phải có người vàng thế thân để tạ [tội]”.⁽⁵⁰⁾ Trần Văn Nguyên cho rằng điều này không đúng vì triều Lê sơ nhiều lần tiến cống người vàng (1427, 1428, 1434).⁽⁵¹⁾ Tuy nhiên, theo chúng tôi, đó chỉ là một ngoại lệ. Hơn nữa, cần lưu ý đến tình thế lịch sử lúc bấy giờ: đầu triều Lê vì nhà Minh trước phong cho Trần Cảo làm An Nam Quốc vương,

sau dùng dằng không chịu phong cho Lê Lợi, rồi Lê Nguyên Long làm An Nam Quốc vương (chỉ phong chức Quyên thụ An Nam quốc sự, cho đến năm 1437), rồi hàng loạt những vấn đề phức tạp khác đặt ra sau chiến tranh (về chiến phí, nhân mạng...), nên nhà Lê phải sang cống người vàng tổng cộng tới 3 lần (nếu ghi chép của hai bên là đúng) và cũng phải cử sứ thần sang đấu tranh để “giải lệ người vàng”, đổi lại lệ thuế cống thông thường. Vì thế, đúng là trong những dịp hệ trọng (theo quan niệm của các triều đại phương Bắc là sự thay đổi dòng họ cai trị ở Đại Việt), các triều này đều “yêu sách” người vàng thế thân. Vấn đề không nằm ở giá trị vật chất của người vàng (vì thực sự trọng lượng của nó không phải là lớn, so với những cống phẩm bằng vàng khác, ở những lần cống khác) mà nằm ở tính chất biểu trưng của nó (nhất là ở hình trạng của người vàng) trong mắt triều đình phương Bắc (biểu thị sự thần phục, cung thuận của người đứng đầu, dấu thường nó chỉ là sự “thần phục giả vờ”). Cũng vì tính chất đó mà các triều đại Đại Việt vừa miễn cưỡng chấp nhận nghi thức này để đổi lấy sự công nhận của Trung Hoa vừa đấu tranh để không cho nó thành thường lệ. Do đó, ngoài lần tiến cống của nhà Trần để “tạ tội” tự tiện lên ngôi và bắt thần phục, các lần tiến cống sau còn liên quan đến việc một dòng họ, một triều đại mới lên thay triều đại cũ hoặc nối lại dòng chính thống đã đứt (mà thực chất là một dòng họ mới) như: họ Hồ thay Trần, nhà Hậu Trần đòi lại ngôi chính thống, Trần Cảo lấy lại ngôi chính thống, nhà Lê thay nhà Trần, nhà Mạc thay nhà Lê, nhà Lê Trung hưng lấy lại ngôi chính thống của họ Lê, nhà Tây Sơn thay nhà Lê v.v... Vì vậy, việc tiến cống người vàng còn liên quan đến vấn đề tính chính thống của các triều đại Đại Việt trong mắt Trung Hoa. Điều này có tác động nhất định đến việc ghi chép về việc cống người vàng trong sử sách hai bên.

Nói tóm lại, từ Trần đến Lê Trung hưng, tổng cộng có khoảng 7 lần việc cống người vàng thế thân đã được thực hiện. Tình hình này phủ nhận quan niệm cho rằng, việc cống người vàng thế thân là định lệ thường xuyên, liên tục (thậm chí “hàng năm”). Nó chỉ đúng ở trường hợp nhà Lê sơ khi “đến giữa đời nhà Lê [sơ], việc hiến người vàng đã bãi bỏ, rồi từ năm ấy trở đi, lễ vật cống nạp hàng năm chỉ dùng vàng để chiết đã thành điển lệ cũ” mà tờ *Bẩm Phúc đại nhân* khẳng định và sau đó được Phan Huy Chú tái xác nhận.⁽⁵²⁾ Việc cống người vàng là trường hợp tiêu biểu cho tư tưởng bá quyền, thực dân và sự phản kháng lại tư tưởng đó trong quan hệ bang giao Việt-Trung thời trung đại. Và điều đó được thể hiện rõ nhất qua “hình trạng” người vàng được tiến cống.

1.3. Hình trạng “người vàng thế thân”

Hình trạng người vàng thời Nguyên không được sử Trung Hoa miêu tả chi tiết. Theo sử nhà Nguyên ta chỉ biết rằng người vàng được làm bằng vàng ròng, có đôi mắt được làm bằng 2 hạt châu.⁽⁵³⁾ Đến thời Minh, hình trạng người vàng được miêu tả chi tiết hơn và cũng trải qua những thay đổi về tiểu tiết. Người vàng thời Lê Lợi, Lê Thái Tông và Mạc Đăng Dung tiến cống được *Minh sử* miêu tả có dạng: “đầu tóc rũ rượi như người tù, hai tay trói quặt đằng sau”, nặng chừng 100 lạng.⁽⁵⁴⁾ Sách *Minh triều tiểu sử* 明朝小史 cung cấp một hình trạng người vàng do Mạc Đăng Dung tiến cống có khác đôi chút là “trang phục người tù, hai tay trói quặt đằng sau”.⁽⁵⁵⁾ Nó còn gọi người vàng là “phạm” (kẻ có

tội), cho thấy quan niệm “người vàng” mang hình dạng người tù binh ra hàng. Bài *Hịch Giao Nam quốc Lê Duy Đàm* 檄交南國黎維潭 của viên quan nhà Minh Dương Dân Thu 楊寅秋 lại cung cấp hình trạng người vàng thời Mạc như sau: “đầu tóc rũ rượi như người tù, bị trói quỳ, dăng biểu tấu”.⁽⁵⁶⁾ Điều này tương ứng với ghi chép của sử Trung Hoa (và cả sử Việt) về việc Mạc Đăng Dung phải lên biên giới để “xét khám” với bộ dạng “đầu tóc rũ rượi, đi chân không, bò mà khấu đầu trên đàn, dăng biểu xin hàng”.⁽⁵⁷⁾ Đến khi nhà Lê Trung hưng tiến người vàng, hình trạng đã có sự thay đổi. Khởi đầu, nhà Lê Trung hưng dự định đúc người vàng “đứng tự do, mặt nghiêm trang”. Nhưng nhà Minh cho rằng như vậy là có ý “kiêu ngạo” nên bắt phải đổi về hình dạng cũ. Tuy nhiên, nhà Lê Trung hưng đã tranh biện lại, trong đó có ý đại khái rằng: không thể đồng nhất người vàng của họ Lê (Trung hưng) với họ Mạc được (một bên là chính thống, một bên là tiếm nghịch). Cuối cùng, hai bên đồng ý ở hình trạng “cúi đầu” như là một cách để phân biệt người vàng của họ Lê [Trung hưng] với người vàng của họ Mạc mà vẫn đảm bảo được ý “thần phục” như nhà Minh mong muốn. Bên cạnh đó, sau lưng (hoặc trên mặt) pho tượng phải khắc 26 chữ: “An Nam Lê thị thế tôn, thần Lê Duy Đàm bắt đắc bồ phục thiên môn, cung tiến đại thân kim nhân, hối tội khất ân”.⁽⁵⁸⁾ Bài *Hịch Giao Nam quốc Lê Duy Đàm* cũng cung cấp hình trạng người vàng nhà Lê Trung hưng tương tự: “cúi đầu xin ơn”.⁽⁵⁹⁾ Có thể nói, dù có nhiều dị bản khác nhau về hình trạng, cân nặng, chữ khắc của người vàng cống phẩm trong sử sách Trung Quốc và có sự thay đổi nhất định qua các triều đại, nhưng thâm ý cơ bản của các triều đại Trung Hoa (đặc biệt là triều Minh) thể hiện qua hình trạng người vàng là tượng trưng cho việc vua Đại Việt là tội nhân quy thuận, hàng phục, qua đó phản ánh thái độ trịch thượng, bá quyền của “thiên triều” đối với các triều đại mà chúng gọi là “đi quốc”.

Với hình trạng người vàng như vậy được ghi nhận trong sử Trung Hoa, thật không khó lý giải vì sao sử sách Việt Nam (dẫu có tham khảo sử Trung Hoa) hiếm khi đề cập đến. Mặt khác, cũng có thể truyền thống chép sử theo kiểu “đại cương” của sử Việt đã góp phần làm mờ đi chi tiết đó. Sử Việt chỉ ghi chép đôi chút về kích thước và trọng lượng người vàng. Về trọng lượng, thường mỗi người vàng (hoặc bạc) thời Lê sơ nặng 100 lạng. Về kích thước, *Toàn thư*, *Loại chí* có chép người vàng, người bạc thời Lê Trung hưng “cao 1 thước 2 tấc, nặng 10 cân”.⁽⁶⁰⁾ Như vậy, tượng người vàng, người bạc thời Lê Trung hưng nặng hơn tượng người vàng, người bạc thời Lê sơ. Điều này cho thấy đòi hỏi của nhà Minh ngày một thực dụng, quá quắt do sự yếu thế của một vài triều đại Đại Việt. Hãn hữu, từ *Bẩm Phúc đại nhân* - một sử liệu có tính chất “đối ngoại” của triều Tây Sơn (văn bản này cũng mang tính chất truyền thuyết, sử tư gia) đã đề cập đến vấn đề này, nhưng hình trạng được miêu tả cũng có sự khác biệt nhất định với sử liệu Trung Hoa. Hình trạng của người vàng thời Mạc là “đầu tóc rũ rượi như người tù, mặt mày lấm lem, mình cúi xuống”.⁽⁶¹⁾ Còn người vàng thời Lê Trung hưng được miêu tả “mặc áo châu, đội mũ châu, mặt ngửa lên là hình dạng của vua Lê, để cầu ơn ở thượng quốc”.⁽⁶²⁾ So với sự mô tả hình trạng người vàng trong sử liệu Trung Hoa, ta thấy có mấy điểm đáng chú ý sau:

- Từ bẩm không miêu tả hình trạng người vàng thời Trần và Lê sơ. Điều này có thể do nguyên nhân khách quan (không có thông tin, tư liệu về hình trạng người vàng, đặc biệt là người vàng thời Trần); nhưng cũng có thể có

nguyên nhân chủ quan (tư tưởng đề cao thời Trần, không muốn đánh đồng người vàng thời Lê sơ với thời Mạc: một hình ảnh không lấy gì làm đẹp qua đó thể hiện ngầm ý phò chính thống và thiện cảm với nhà Lê sơ của tác giả tờ bầm). Khả năng bởi nguyên nhân chủ quan là có cơ sở vì lúc bấy giờ không khó tiếp cận các sử liệu Trung Hoa như *Nguyên sử*, *Minh sử* v.v..., để tham khảo và truy xét (mà ở những chỗ khác ta thấy rõ ràng tác giả tờ bầm hẳn có tham khảo sử liệu Việt-Trung).

- Tờ bầm đề cập đến hình trạng người vàng thời Mạc gần giống sử liệu Trung Quốc mà không hề kiêng hèm, giảm nhẹ. Vì sao? Vì người viết có thông tin, tư liệu hay chắc chắn còn bởi nhà Mạc vốn bị xem là “ngụy triều”, bị mang nhiều tiếng xấu (bán nước, hàng giặc, cắt đất, tự trói mình...). Lưu ý rằng người viết tờ bầm hẳn là cựu thần nhà Lê (kẻ thù không đội trời chung với nhà Mạc). Tờ bầm cũng thể hiện định kiến quen thuộc với nhà Mạc khi gọi triều đại này là: “cướp ngôi của họ Lê, là bấy tôi cướp ngôi vua”, “bọn thoán đoạt”, “ngụy Mạc” v.v... Ở đây, người viết đã coi trọng tính chất chính thống/ phi chính thống nên không coi nhà Mạc có tư cách chính thống để đại diện cho dân tộc trong giao thiệp với nhà Minh. Và vì vậy, tác giả không hề nương tay với nhà Mạc khi mô tả hình trạng người vàng nhà Mạc đem tiến cống (trong khi so về hình trạng thì hình trạng người vàng thời Mạc cũng không khác mấy người vàng thời Lê sơ theo ghi chép của sử Trung Hoa).

- Tờ bầm miêu tả hình trạng người vàng thời Lê Trung hưng gần giống với hình dạng ban đầu khi nhà Lê Trung hưng dự định mang tiến cống và có phần trang trọng (mặc áo châu, đội mũ châu, mặt ngửa lên), khác với hình trạng người vàng đã được “hội khám” và thống nhất mang đi tiến cống như sử liệu Trung Quốc miêu tả (cúi mặt, khắc chữ vào lưng). Điều đó thể hiện thiện cảm của tác giả với nhà Lê Trung hưng (dù sao vẫn là triều đại “chính thống”) và trên hết là ý thức tự tôn dân tộc được truyền cảm hứng từ chính thực tế hình trạng người vàng lúc ban đầu nhà Lê Trung hưng dự định mang tiến cống với thâm ý rõ ràng (và nhà Minh vốn cũng đầy “thâm ý” cũng đã nhận ra) mà không chấp nhận hình trạng người vàng do nhà Minh ép nhà Lê Trung hưng phải làm (người vàng cúi mặt). Ghi chép này có lẽ sẽ gợi cảm hứng cho Phan Huy Chú tạo nên truyền thuyết về sứ thần Phùng Khắc Khoan trong những trang viết vừa có tính sử học vừa có tính văn học của ông (“Nhân vật chí” trong *Loạt chí*).

Vậy là, riêng về mặt hình trạng người vàng, ta thấy trong sử liệu của hai nước đã diễn ra một cuộc đấu tranh ngầm (và kể cả sự đấu tranh “nội bộ”) dưới sự chi phối bởi những quan niệm khác nhau: về uy thế đất nước, về quốc thể, về tính chính thống của các triều đại... Dù là sự thực (nhiều khi nghiệt ngã) hay là mong muốn (phần nhiều lý tưởng) thì nó đều phản ánh đường lối, tư tưởng chính trị của mỗi bên, mỗi phe nhóm.

2. “Cống người vàng” đi vào truyền thuyết: một cách nhìn của dân gian

2.1. Niên đại muộn của việc “cống người vàng”

Do việc sử liệu Việt đề cập khá ít đến việc cống người vàng thời Trần (thế kỷ XIII), thậm chí ít đề cập đến cả yêu sách cống người vàng của nhà Nguyên

(chi tiết cống người vàng thời Hậu Trần được ghi rõ trong chính sử dường như bị chìm đi đến nỗi ngay cả ở thời hiện đại, người ta cũng ít chú ý đến hoặc vô tình/hữu ý bỏ qua nó trong các tài liệu về hiện tượng cống người vàng), thậm chí phủ nhận chuyện này (tờ *Bẩm Phúc đại nhân*), nên trong dân gian tồn tại quan niệm rằng, việc cống người vàng xuất hiện từ thời Lê (thế kỷ XV) và gắn bó chặt chẽ với quan niệm “đền mạng Liễu Thăng”. Cũng có thể do mật độ cống người vàng thời Lê Lợi khá dày (1427, 1428, 1434) nên ấn tượng về việc cống người vàng thời Lê rất đậm nét trong ký ức dân chúng đến độ trở thành xác tín.⁽⁶³⁾ Mãi đến cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, chuyện nhà Trần cống người vàng mới được đề cập đến. Sớm nhất có lẽ là từ soạn giả sách *Cổ kim giao thiệp sự nghi thông khảo* (cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX). Tiếp đến, tác giả Đinh Lệnh Uy (1925) có lẽ cũng chủ yếu căn cứ vào một dị bản của tờ *Bẩm Phúc đại nhân*⁽⁶⁴⁾ mới đặt vấn đề việc cống người vàng có từ thời Trần và người vàng là để “thay thế Quốc vương”.⁽⁶⁵⁾ Tác giả Thạch Bửu Thiên “lấy tài liệu ở một bài khảo cứu bằng chữ Hán trong tạp chí *Nam phong*” (tức bài của Đinh Lệnh Uy) cũng có quan niệm tương tự.⁽⁶⁶⁾

Nhưng quan niệm của các ông nhanh chóng bị quan niệm của các học giả viết sách bằng chữ Quốc ngữ có “uy thế” như Trần Trọng Kim⁽⁶⁷⁾ hay Hoa Bằng⁽⁶⁸⁾ lấn át. Điều đó còn phản ánh niềm tin dai dẳng của dân gian Việt Nam về một sự muộn màng của việc tiến cống này và điều đó cũng thể hiện ý thức dân tộc rất cao của dân gian, đặc biệt là thiện cảm của dân gian đối với triều đại nhà Trần. Hãy tham khảo lập luận của một nhà nghiên cứu danh tiếng - Hoa Bằng để thấy ông phản bác Đinh Lệnh Uy, Thạch Bửu Thiên bằng cách phủ nhận việc nhà Trần có cống người vàng như thế nào: “Nhà Trần từ đời Thái Tông đến Minh Tông (1225-1320) thật là thời kỳ hùng cường oanh liệt. Có nhiều phương diện, nhất là về mặt võ bị, in lại lăm nét vẻ vang rực rỡ trên trang lịch sử Việt Nam (...) Cứ lấy tâm lý mà xét: Về phần nhà Nguyên, thấy mình đã bại trận nhiều lần và bị coi khinh như vậy, chắc họ chỉ muốn làm hòa cho êm chuyện, quyết không còn dám làm khó dễ trong cuộc ngoại giao với Trần nữa. Còn ta? Biết mình đứng trên địa vị nước nhỏ, không muốn lôi thôi mãi với họ, nên dầu mình có chiến thắng nhiều phen cũng muốn trang trải thân thiện với họ để nhân dân được yên nghỉ khỏi phải đầm máu ở nơi chiến trường. Nhưng ta đã nắm phần thắng lợi trong tay thì, về việc ngoại giao, cũng có thể rộng miệng cả tiếng chứ không sợ sệt nỗi gì. Như vậy, nay chúng ta có thể phán đoán chắc chắn: Bây giờ Nguyên quyết không dám bắt Trần phải cống người vàng; mà Trần cũng quyết không khi nào chịu làm một việc cơ nhục đến quốc thể như vậy, mặc dầu Mông Cổ có lòng tham lam”.⁽⁶⁹⁾ Hoa Bằng căn cứ vào những ghi chép trong *Bang giao chí* (phần “Nghị lễ sách phong”) của Phan Huy Chú để khẳng định việc đó.⁽⁷⁰⁾ Truy ngược lại tài liệu gốc, ta thấy *Bang giao chí* viết: “Các vua nhà Trần, khi được nhường ngôi không hề cầu nước Tàu phong cho bao giờ. Khi vua Nhân Tông (1279 -1293) lên ngôi, nhà Nguyên có sai sứ sang trách là không xin phép mà tự lập, dụ bảo nhà vua vào châu; nhưng vua Nhân Tông không chịu. Cho nên Nguyên Tổ (Thế Tổ nhà Nguyên 1279-1294) chứa đầy tức giận, nghĩ muốn gây chuyện. Năm ấy (niên hiệu Trùng Hưng thứ hai, 1286), muốn đưa Trần Ích Tắc về, nhưng không xong, bèn đem binh sang xâm nước Nam, rút cục chỉ chuốc lấy sự bại trận. Từ đó, suốt đời nhà

Trần hầu thường có sính sứ (sứ giả đưa đồ cống sính) đi lại, nhưng đến cái lễ sách phong thì không làm nữa” (Hoa Bằng dịch).⁽⁷¹⁾ Như vậy là Hoa Bằng đọc được trong sự ghi chép của Phan Huy Chú ngầm ý thời Trần không hề có việc cống người vàng từ đó đi đến khẳng định quan niệm của mình. Nhưng điều đó cũng thiếu cơ sở vì giữa việc xin phong với việc cống người vàng không đồng nhất với nhau. Vả lại, như sẽ thấy, ngay quan niệm của Phan Huy Chú cũng lại là một sự tiếp nhận dựa trên tinh thần dân tộc đậm màu sắc dân gian và cần phải được lý giải nhiều lúc, nhiều nơi một cách linh hoạt.

2.2. Thuyết “đền mạng” tướng giặc bị giết

Thuyết đền mạng tướng giặc có lẽ xuất hiện sớm nhất trong tờ *Bẩm Phúc đại nhân*. Trong tờ bẩm, tác giả có viết: “Kịp đến khi nhà Tiền Lê lên thay nắm việc nước, lại có cái vạ Liễu Thăng, phải hiến người vàng chuộc tội” hoặc “Trái lại cũng chung một duộc như [...] nhà Lê giết Liễu Thăng hay sao?”.⁽⁷²⁾ Ngoài ra, việc trong tờ bẩm có nói đến việc “nhà Trần giết Ô Mã Nhi” cũng đã gây nên sự hiểu nhầm rằng tác giả thừa nhận việc cống người vàng thời Trần và việc cống này là để đền mạng Ô Mã Nhi. Điều đó là không đúng bởi thuyết “đền mạng Ô Mã Nhi” rất hiếm gặp trong các truyền thuyết dân gian, nó chỉ được nói đến trong bài nghiên cứu của một vài học giả hiện đại, trong đó không loại trừ cả học giả Trung Quốc (như Trần Văn Nguyên). Thực chất, tác giả tờ bẩm không hề cho rằng thời Trần có việc cống người vàng (mà chỉ nhắc đến nguồn gốc yêu sách cống người vàng có từ thời Nguyên do nhà Trần đã “đắc tội” với phương Bắc).

Sau đó có hàng loạt các ghi chép của tư nhân và dân gian đã phát triển quan điểm “đền mạng tướng giặc bị giết” trở thành một thuyết rất phổ biến.

Sớm nhất có lẽ là “Truyện Nguyên Công Hăng” trong *Tang thương ngẫu lục* (cuối thế kỷ XVIII đầu thế kỷ XIX) của Phạm Đình Hổ (1768-1839) và Nguyễn Án (1770-1815). Truyện kể như sau: “Nguyên xưa, đức Thái tổ Hoàng đế (Lê Lợi) cùng quân Minh đánh nhau ở núi Mã Yên chém chết tướng Minh là An Viễn hầu Liễu Thăng. Đến khi giảng hòa nộp cống, người Minh bắt đền, phải đúc người vàng thay thế. Hồi nhà Mạc cướp ngôi, Minh sai Cừ Loan, Lưu Bá Ôn sang đánh. Mạc sợ, phải đúc người vàng đút lót cầu hòa. Đầu đời Trung hưng, nhà Minh lấy cớ nhà Lê tự tiện giết công thần của họ là Mạc Mậu Hợp, bắt phải đúc người vàng tạ lỗi, từ đấy thành thường lệ”.⁽⁷³⁾

Tài liệu gần như đồng thời với *Tang thương ngẫu lục* là *Sách số sang chép các việc* (viết khoảng năm 1820-1830) viết bằng chữ Quốc ngữ của Phi-li-phê Bình (1759-1830) cũng đề cập đến với một sự tùy tiện, lỏng lẻo hơn: “khi vua Đinh Thiên Hoàng (!) giết được Liễu Thăng mà lên trị (...) Tha vạ Liễu Thăng cho nước Annam thì bởi vì Thầy Dòng ĐCJ tâu xin, chẳng phải là ông Thượng Chấy (?) làm được việc ấy đâu”.⁽⁷⁴⁾ Việc một người dân Công giáo như Phi-li-phê Bình viết chuyện này vào sách Quốc ngữ của mình [mà cũng chưa được chuẩn về những kiến thức lịch sử phổ thông như nhầm Lê Lợi ra Đinh Thiên Hoàng v.v...] chứng tỏ thuyết “đền mạng Liễu Thăng” đã rất phổ biến đương thời.

Ngay trong một công trình mang tính học thuật như *Loại chí* (Bang giao chí), nhà khoa học Phan Huy Chú vẫn bị chi phối bởi thuyết “đền mạng”.

Ông viết một cách rất chắc chắn theo văn phong khoa học rằng: “Xét: thời Lê sơ thông hiếu với Trung Quốc, có người vàng thay mình để đền mạng Liễu Thăng, nhà Minh định làm cống phẩm”.⁽⁷⁵⁾ Khẳng định này đã có tác động không nhỏ đến quan niệm của người đời sau, không chỉ trong dân gian mà còn trong giới học thuật bởi lẽ, khi nghiên cứu quan hệ bang giao Việt-Trung, ngoài các bộ chính sử thì một tài liệu thường được dẫn dụng chính là *Bang giao chí*.

Đầu thế kỷ XX (1920), học giả Trần Trọng Kim soạn *Việt Nam sử lược* lại góp phần phổ biến thuyết này vào học giới một cách hết sức rộng rãi. Ông phỏng đoán: “*Có lẽ là lúc đánh trận Chi Lăng có giết mất hai tướng nhà Minh là Liễu Thăng và Lương Minh, cho nên phải đúc hai người bằng vàng để thế mạng*”.⁽⁷⁶⁾ Nhà nghiên cứu Hoa Bằng, trong nhiều công trình nghiên cứu, cũng tán thành quan niệm này khi tuyên bố: “Đại thân kim nhân không phải là người vàng thay cho bản thân Quốc vương”.⁽⁷⁷⁾ Ông hùng hồn chứng minh sự phổ biến của thuyết “đền mạng” Liễu Thăng mà bác bỏ tất cả những tư liệu cho thấy việc này đã được đặt ra từ trước.

So với sử liệu chính thống của Trung Hoa và Việt Nam, rõ ràng ta thấy thuyết này không đứng vững về mặt logic bởi:

- Việc cống người vàng đã có từ thời Trần (thế kỷ XIII), Hồ và Hậu Trần, và mục đích là để thay thế cho bản thân Quốc vương (như trong chiếu dụ của vua Nguyên và trong cách hiểu của các triều đại). Việc Lê Lợi cống người vàng cho nhà Minh được chuẩn bị còn trước cả khi Liễu Thăng bị giết. Thậm chí, trong một bức thư Lê Lợi gửi Liễu Thăng trước khi họ Liễu mang quân cứu viện sang Đại Việt cũng đã có nói đến việc này.

- Việc cống người vàng là do các triều đại Trung Quốc đòi hỏi trong những hoàn cảnh đặc biệt (thường là buổi đầu tạo dựng một triều đại mới ở Việt Nam như lời mở đầu tờ *Bẩm Phúc đại nhân* của nhà Tây Sơn có tường thuật lại).

- Hình trạng người vàng được mô tả trong sử liệu Trung Hoa và Việt Nam cho thấy, nó không thể là hình dạng của những viên tượng như Liễu Thăng. Làm sao các triều đại Trung Hoa (như triều Minh) có thể chấp nhận điều đó.

Tuy nhiên, thuyết này vẫn sống dai dẳng trong tâm thức dân gian trải vài thế kỷ qua. Ta đã thấy nó phổ biến thế nào ở thế kỷ XVIII-XIX. Hoa Bằng cho ta thấy sự phổ biến của thuyết này trong dân gian đầu thế kỷ XX: “Ở ngoài Bắc, từ già chí trẻ ai cũng nghe biết câu này: *Nợ như nợ Liễu Thăng*. Còn ở Nam Kỳ và Trung Kỳ, câu đó có phổ thông hay chẳng, tôi không rõ. Một chuyện như chuyện nợ Liễu Thăng chắc là một cái nạn lớn đối với ta xưa, nên nó mới in sâu vào óc người mình và dễ truyền khắp dân gian như vậy. *Chắc xưa*, khi người Minh bắt cống người vàng, họ cũng lấy nê nói rằng các tướng Minh như Liễu Thăng đã phải chết vì tay người Nam thì nay chúng tôi muốn lấy số vàng này để gọi là *đền bù cho gia quyến những tướng đã tử trận đó*. Thế rồi lâu ngày thành quen: hễ ta đem cống người vàng thì nói là đền mạng Liễu Thăng; còn Tàu thì nói rằng lấy người vàng là bắt nợ về việc Liễu Thăng. Trải qua nhiều đời cho đến Lê Trung hưng, việc đó thành lệ thường cống. Rồi sử gia cứ chép là “người vàng thế thân” song không nói rõ là thế thân ai nữa”.⁽⁷⁸⁾ Vũ Ngọc Khánh cũng cho thấy sự phổ biến thuyết này ở cuối thế kỷ XX vượt lên trên

cả những sự hoài nghi khoa học: “Nợ Liễu Thăng! Cái nợ này không biết có công văn giấy tờ nào chứng thực hay không *nhưng chắc chắn là điều có thực*. Trước đây, các triều vua Đại Việt, đến kỳ cống nạp Trung Quốc, phải đúc người vàng đưa sang. Lời truyền văn cho biết, trong chiến thắng Lam Sơn, ta giết được Liễu Thăng, bọn phong kiến nhà Minh rất tức giận, bắt cống người vàng để đền bù, ta cũng chấp thuận. Dân gian gọi “nợ Liễu Thăng” là từ câu chuyện này. Hãy còn nhiều ý kiến khác giải thích việc cống người vàng. Có người cho rằng, khởi đầu là từ nhà Mạc. Mạc Đăng Dung cướp ngôi Lê, sợ nhà Minh gây chuyện, liền đúc người vàng đưa sang để dứt lốt, chịu tội (xem *Tang thương ngẫu lục*) (sic!). *Lại có ý kiến cho rằng*, thường lệ ngày xưa, vua các nước chư hầu phải thân hành sang châu hoàng đế Trung Hoa. Nhưng vua Việt Nam thì không một ai chịu đi cả. Không đi, thì đúc người vàng để thay mình! *Không rõ cách giải thích nào là chính xác?*” [*Những ai đòi xóa bỏ nợ Liễu Thăng?*].⁽⁷⁹⁾ Khảo sát trên mạng internet hiện nay, chúng ta cũng thấy một kết quả tương tự: đa số các bài trên mạng viết về “người vàng thế thân” đều khẳng định là để bồi thường mạng Liễu Thăng (và Lương Minh). Điều này cũng không khó lý giải đứng từ tâm lý dân tộc và tâm lý đám đông trong bối cảnh nhiễu loạn thông tin trên không gian ảo.

2.3. Thuyết thay đổi hình trạng người vàng

Thuyết này có lẽ cũng xuất hiện sớm nhất trong *Bẩm Phúc đại nhân* mà chúng tôi đã đề cập ở trên. Hẳn từ *Bẩm Phúc đại nhân* lấy cảm hứng, cứ liệu từ chính sự kiện nhà Lê Trung hưng có tranh biện với nhà Minh về hình trạng người vàng được ghi chép đầu đó (mà nhiều khả năng là từ sử liệu Trung Hoa). Có lẽ đây chính là một trong những cơ sở chính để người cháu ngoại của dòng họ Ngô Thì là Phan Huy Chú viết nên câu chuyện đi sứ khá nổi tiếng về Phùng Khắc Khoan. Trong phần Nhân vật chí của sách *Loại chí*, Phan Huy Chú kể về chuyến đi sứ của cụ Trạng Bùng như sau: “Năm thứ 20 Đinh Dậu [1597], ông đương làm Tả thị lang Bộ Công, được đi sứ Minh. Bấy giờ nhà Minh nhận hối lộ của con cháu nhà Mạc, không chịu nhận sứ. Ông lúc còn đợi mệnh [vua Minh], liền đưa thư cho Sứ ty nhà Minh, kể rõ việc nhà Mạc cướp ngôi. [Lại nói bây giờ] con cháu nhà Lê tới cửa quan đợi mệnh, mà “thiên triều” lại giúp nhà Mạc đè nén nhà Lê, thế là về bề với kẻ gian tà, hại người ngay thẳng, lấy gì để tỏ đại nghĩa với thiên hạ, giúp danh giáo cho muôn đời sau. Người Minh khen là có nghĩa mới cho sứ thần qua cửa quan; ông mới được đến [Yên] Kinh. Khi đã đến Yên Kinh, Lễ bộ đường trách về việc người vàng ta đem cống không làm theo mẫu cũ làm cúi đầu, nên lại ngăn không cho sứ vào châu. Ông cãi lại rằng: ‘Nhà Mạc cướp ngôi, danh nghĩa là nghịch; nhà Lê khôi phục lại, danh nghĩa là thuận. Nhà Mạc dâng người vàng hình cúi đầu thay mình, đã là may lắm. Còn như đời Lê bao đời làm công thần *kiểu người vàng giữa mặt, quy chế cũ còn đó*. Nay lại bắt theo lệ nhà Mạc, thì lấy gì để khuyên việc chiêu an và trừng giới việc trách phạt được’. Việc đến tai vua Minh, cuối cùng lại cho theo thể thức cũ của nhà Lê trước. Bấy giờ ông mới được vào châu, lĩnh ấn sắc mang về nước. Người Trung Quốc đều khen là sứ giỏi. Khi đã về, Thành Tổ [Trịnh Tùng] rất kính trọng, gọi là Phùng tiên sinh mà không gọi tên...”.⁽⁸⁰⁾ Mặc dù có nhiều tư liệu trước và sau đó khi kể về Phùng Khắc Khoan (trong đó có nhiều giai thoại về chuyến đi sứ của ông) đều không hề nhắc đến chi tiết biện cãi

người vàng,⁽⁸¹⁾ nhưng ngược lại, cũng có không ít tư liệu (đặc biệt là thơ) phản ánh sự lưu truyền rộng rãi của câu chuyện thú vị này. Chẳng hạn, Đốc học, Cát sĩ Trần Huy Tích (1828 - ?), từ câu chuyện này cất bút làm thơ ca ngợi Phùng Khắc Khoan như sau: “Vào yết kiến, biện chuyện người vàng, lời không chịu khuất / Rồi bệ ngọc, về nghỉ ngơi làm thơ, bút nên khen”.⁽⁸²⁾ Tiến sĩ Lê Duy Trung (1795-1863) trong bài thơ ca tụng họ Phùng cũng có viết: “Hai tượng đá quý ở đây làm việc hầu hạ / Chữ không phải là tượng người vàng [ngựa mặt] đem đến hội khám ở ải Nam Quan”.⁽⁸³⁾ Theo sử liệu chính thống, việc tranh biện về hình trạng người vàng nhà Lê Trung hưng tiến cống diễn ra ở trấn Nam Quan chứ không đợi đến khi Phùng Khắc Khoan sang Minh mới xảy ra.⁽⁸⁴⁾ Hình trạng người vàng đem sang Yên Kinh cũng không như Phan Huy Chú kể (dù ban đầu thì có giống). Nhưng những nội dung “na ná” và có những chi tiết đặc thù “gần giống” như vậy cho ta thấy rõ là Phan Huy Chú trực tiếp hoặc gián tiếp có tham khảo sử sách, đặc biệt là sử Trung Hoa (mà dấu ấn rõ nhất là từ từ *Bẩm Phúc đại nhân*). Nhưng ông đã chắt lọc ở đó tinh thần ban đầu khá cứng cỏi, nguyện vọng thiết tha của triều Lê Trung hưng (trong đó có Phùng Khắc Khoan) gói gắm trong hình trạng người vàng mà họ dự định tiến cống. Ở đây, thể tài “nhân vật chí” (một dạng “truyện danh nhân”, hàng trạng, chân dung văn hóa) cho phép ông có thể làm được như vậy.

Để hình dung quá trình hình thành câu chuyện Phùng Khắc Khoan được Phan Huy Chú kể, chúng ta có thể lập bảng đối chiếu hình trạng người vàng đem cống được ghi chép trong các tư liệu Trung -Việt như sau:

Thời	Sử sách Trung Hoa	Sử sách Việt Nam
Trần	Người vàng, mắt ngọc. Hình dạng không chép rõ (<i>Nguyên sử</i>)	Không ghi chép
Hồ	Không chép rõ	Không ghi chép
Hậu Trần	Không ghi chép	Không chép rõ
Lê sơ	- Tóc tai rũ rượi, tay trái quặt (<i>Minh sử, Lịch Giao Nam quốc Lê Duy Đàm</i>)	Ngựa mặt (<i>Nhân vật chí</i>)
Mạc	- Tóc tai rũ rượi, tay trái quặt (<i>Minh sử</i>) - Tóc tai rũ rượi, trái quỳ, dâng biểu (<i>Lịch Giao Nam quốc Lê Duy Đàm</i>).	- Tóc tai rũ rượi, mặt bơ phờ, cúi mặt (<i>Bẩm Phúc đại nhân</i>) - Cúi mặt (<i>Nhân vật chí</i>)
Lê Trung hưng	- Cúi mặt (<i>Minh sử, Lịch Giao Nam quốc Lê Duy Đàm</i>) - Khắc chữ ở lưng (<i>Minh sử</i>) hoặc ở mặt (<i>Lịch Giao Nam quốc Lê Duy Đàm</i>)	- Ngựa mặt, mặc triều phục, đội triều quan (<i>Bẩm Phúc đại nhân</i>) - Ngựa mặt (<i>Nhân vật chí</i>)

Như vậy, nếu không tra xét sử Trung Hoa, hẳn ta không thể hiểu rõ lai lịch, nguyên do dẫn đến câu chuyện về Phùng Khắc Khoan. Và do đó, trong rất nhiều tác phẩm, từ những bài thơ, câu chuyện cho đến những công trình nghiên cứu công phu, nghiêm túc về danh nhân này từ *Loại chí* trở đi, giai thoại người vàng ngựa mặt vẫn được nhắc đi nhắc lại với niềm tự hào và ca ngợi nhiệt thành (đặc biệt là ở thời hiện đại).⁽⁸⁵⁾ Hẳn uy tín của sử gia, “nhà bác học” Phan Huy Chú đã trở thành “tấm vé bảo hiểm” cho những gì ông viết, trong đó có truyện về Trạng Bùng. Tuy nhiên, ở đây, ta cũng thấy rằng, giai thoại “người vàng ngựa mặt” đó cũng bảo lưu những hạt nhân lịch sử nhất định. Từ đó, ta càng tin rằng, không phải mọi giai thoại đều chỉ là sản phẩm của trí tưởng tượng. Và sự thực ở đây không chỉ có loại sự thật lịch sử, sự thật khách quan

mà còn có loại sự thật tinh thần, sự thật chủ quan, đó là chủ nghĩa yêu nước nồng nàn của những công dân nước Việt được truyền từ vị sứ thần danh tiếng đến những người viết sử, viết truyện và kể cả những người nghiên cứu về ông. Thuyết sứ thần chấm dứt cống người vàng dưới đây cũng bảo chứng cho điều đó.

2.4. Thuyết sứ thần chấm dứt cống người vàng

Không rõ từ bao giờ, người ta cho rằng việc cống người vàng diễn ra liên tục. Tuy nhiên, việc này được đề cập đến sớm nhất có lẽ ở thế kỷ XVII qua những ghi chép của các giáo sĩ phương Tây. Trong bản *Tường trình về Đàng Ngoài* (1626), giáo sĩ Giuliano Baldinotti cho biết: “Vua xứ Đàng Ngoài (tức vua Lê - NTT) đứng đầu chín lãnh thổ, có ba quốc vương đến triều cống đó là vua xứ Lào, chúa Đàng Trong và vua Cao Bằng (!). Còn chính ngài thì phải triều cống Trung Quốc, mỗi năm cống ba tượng vàng và ba tượng bạc”.⁽⁸⁶⁾ Giáo sĩ Antonio Francisco Cardim cũng có ghi chép tương tự sau đó không lâu (1644).⁽⁸⁷⁾ Việc các giáo sĩ nắm được thông tin về việc cống người vàng (cho dù chưa thực sự chuẩn xác) cho thấy thông tin đó rất phổ biến đương thời (dưới dạng tin đồn). Đến thế kỷ XVIII-XIX, nó lại được đề cập khá nhiều trong những ghi chép của Ngô gia văn phái, Lê Thống, Phan Huy Chú. Tác giả tờ *Bẩm Phúc đại nhân* viết “Kịp đến giữa đời nhà Lê, việc hiến người vàng cũng đã bãi bỏ, rồi từ đó trở đi, lễ vật cống nạp hàng năm chỉ dùng vàng để chiết đã thành điển lệ cũ”.⁽⁸⁸⁾ Lê Thống chép rằng năm 1433, sứ thần Đại Việt sang xin “giải lệ cống người vàng” (*Bang giao lục*) mà theo sử Trung Hoa, việc đó chỉ thực sự chấm dứt sau lần tiến cống người vàng năm 1434. Phan Huy Chú theo đó khẳng định “[...] Đến khoảng giữa mới đổi ra làm lư hương, bình hoa và vàng bạc, vẫn nặng bằng người vàng. Đến lễ cống của nhà Mạc đây, đại lược cũng theo như lệ cũ, mà các thứ đồ bạc, mâm bạc thì lại tăng thêm hơn trước”.⁽⁸⁹⁾ Và đặc biệt, Phan Huy Chú còn khai triển suy đoán của mình như sau: “Khi mới trung hưng không khỏi phải chịu nhũn mà tuân theo. Về sau nước ta lại biện cãi, nhà Minh không nói sao được, nên việc đó lại thôi”.⁽⁹⁰⁾ Quan niệm này tồn tại dai dẳng cho đến tận ngày nay. Chẳng hạn, đầu thế kỷ XX, học giả Trần Trọng Kim soạn *Việt Nam sử lược* đã góp phần phổ biến thuyết này vào học giới một cách hết sức rộng rãi. Ông viết: “Trần Cảo chết rồi, Bình Định Vương lên ngôi vua. (...) Vua Thái Tổ sai sứ sang cầu phong bên Tàu. (...) Từ đấy [1428], lệ cứ 3 năm phải sang cống nhà Minh một lần, mà lần nào cũng phải đúc hai người bằng vàng gọi là “đại thân kim nhân”.⁽⁹¹⁾ Hoa Bằng cũng theo tư duy ấy mà suy luận rằng: “Cứ theo như bức thư của triều Quang Trung phản kháng nhà Thanh mà tôi trưng dẫn nguyên văn bằng chữ Hán dưới đây, thì việc cống người vàng là bắt đầu từ Trần (1225-1413) qua Lê (1428-1527) đến Mạc (1527-1592) và Lê Trung hưng (1533-1789). Nếu lịch sử “cống người vàng” quả đúng như trong bức thư ấy đã nói, thì ra trong vòng 564 năm đó, ta phải trịu vai dưới một ách nặng rất bất công và ẽ cổ góp một món nợ truyền tử nhược tôn không bao giờ hết”.⁽⁹²⁾ Cũng từ đây nảy sinh thuyết sứ thần [thời Lê Trung hưng, Tây Sơn] biện cãi để chấm dứt lệ cống người vàng (mà câu của Phan Huy Chú là một chỉ dấu quan trọng). Theo Vũ Ngọc Khánh ghi nhận, công trạng đó được dân gian dành cho 3 nhân vật Chánh sứ Giang Văn Minh, Nguyễn Công Hãng, Ngô Thì Nhậm.⁽⁹³⁾ Theo khảo sát của chúng tôi, con số các sứ thần còn được mở rộng hơn thế, đó là Ngô Trí Hòa (1565-1625), Giang Văn Minh

(1573-1638), Nguyễn Công Hãng (1679-1732), Hà Tông Huân (1697-1766), Ngô Thì Nhậm (1746-1803), Thầy ĐJC (?) v.v...

Nguyễn Công Hãng là nhân vật được đề cập sớm nhất gắn với thuyết bác lệ cống người vàng. Về Nguyễn Công Hãng, tài liệu sớm nhất, chính thống nhất là *Đại Việt sử ký tục biên* chép về việc đi sứ của ông rất ngắn ngủi, không có liên hệ gì đến việc cống người vàng.⁽⁹⁴⁾ Những tư liệu khác (tương đối đáng tin cậy, chính thống) viết về Nguyễn Công Hãng như *Lịch triều tạp kỷ*, *Đĩnh khiết Đại Việt lịch triều đăng khoa lục*, *Loại chí* (Bang giao chí, Nhân vật chí),⁽⁹⁵⁾ *Đại Nam nhất thống chí* v.v... cũng không hề chép chi tiết đó. Tư liệu bang giao ghi nhận thời này nhà Thanh thậm chí còn đồng ý cống vật (lư hương, bình, chậu...) có thể chiết thành đỉnh để tiến, vì vậy khó có chuyện Nguyễn Công Hãng biện bạch về người vàng.⁽⁹⁶⁾ Văn bản đầu tiên chứa đựng thuyết này có lẽ là truyện “Nguyễn Công Hãng” trong *Tang thương ngẫu lục*. Truyện kể: “năm thứ 57 niên hiệu Khang Hy (1718) đời nhà Thanh, gặp kỳ đi cống, ông do chức Binh Bộ Tả thị lang được sung làm Chánh sứ (...) Ông xin bãi bỏ lệ ấy. Các bộ, viện, đem chuyện cũ ra hỏi. Ông nói: Quốc vương tôi ngày nay giữ gìn nghiệp cũ, không dám bỏ việc tiến cống. Còn chuyện cũ về việc thầu thành nạp khoản thì sứ thần không dám biết. Họ lại hặc về chuyện Liễu Thăng. Ông nói: Liễu Thăng là tướng nhà Minh, Hoàng Thanh nay bao gồm muôn nước, lại khư khư đòi món của đứt để trả mối thù của người xưa. Như vậy sao đủ để làm khuôn mẫu cho người sau”.⁽⁹⁷⁾ Cũng theo truyện này, ông còn đòi bỏ việc cống nước Loa thành để rửa ngọc trai. Sách *Lam Sơn thực lục tục biên* cũng phụ họa theo (dẫn dẫn). Việc Nguyễn Công Hãng dùng lý lẽ bác bỏ lệ cống người vàng cho thấy rõ sự thêm thắt, hư cấu theo trí tưởng tượng phong phú của dân gian nhưng cảm hứng chung là ca ngợi tài năng, công trạng của sứ thần trong đó nổi bật nhất là khả năng “chuyên đối”, “ứng đối” và làm tăng “quốc thể” (bằng việc dẹp bỏ một việc có tác hại đến quốc thể như việc phải cống người vàng). Câu chuyện rõ ràng phản ánh phản ứng của nhân dân trước yêu sách cống người vàng vô lý của Bắc triều trong lịch sử.

Giai thoại Giang Văn Minh bác lệ cống người vàng còn xuất hiện muộn hơn khá nhiều. Về Giang Văn Minh, *Toàn thư* chép rất ngắn ngủi về chuyến đi sứ của ông.⁽⁹⁸⁾ *Đĩnh khiết Đại Việt lịch triều đăng khoa lục*, *Loại chí* (Bang giao chí, Nhân vật chí), *Đại Nam nhất thống chí*... viết về ông cũng ngắn ngủi và sơ lược. Văn bia *Thám hoa công truy trạng bi* 探花公追狀碑⁽⁹⁹⁾ (do Tiến sĩ Nguyễn Hữu Tạo viết vào năm Kỷ Dậu niên hiệu Tự Đức thứ 2 - 1849) không hề có chi tiết bác việc cống người vàng, nhưng bắt đầu xuất hiện chi tiết họ Giang đối lại câu đối của Sùng Trinh và bị giết. Bài *Vinh quận công Giang Thám hoa Văn chung tiên sinh hành trạng* 榮郡公江探花文鍾先生行狀 trong *Giang thị gia phả* 江氏家譜 (do Giang Văn Hiến soạn vào năm 1849) cũng không có chi tiết đi tranh biện việc cống người vàng (có chi tiết đối đáp và bị giết).⁽¹⁰⁰⁾ Giai thoại này xuất hiện sớm nhất có lẽ là trong cuốn *Giang Thám hoa tộc phả* 江探花族譜, sau đó đi vào sách *Danh nhân quê hương*⁽¹⁰¹⁾ và trở nên phổ biến hiện nay. Sự xuất hiện rất muộn như vậy cũng cho thấy rõ tính hư cấu, huyền hoặc của câu chuyện.

Về Ngô Thì Nhậm, bản thân tờ *Bẩm Phúc đại nhân* và các bài thơ của vua Càn Long tặng cho Quang Trung đã khiến ông trở nên nổi tiếng trong dân gian với công trạng bác yêu sách cống người vàng của nhà Thanh. Sự thực thế

nào, chúng ta đã thấy rõ ở trên. Nhưng cũng vì tư liệu tương đối rõ ràng như vậy cho nên giai thoại về Ngô Thì Nhậm không mang tính ly kỳ, hấp dẫn như những giai thoại về các sứ thần khác.

Về Hà Tông Huân (1697-1766),⁽¹⁰²⁾ Ngô Trí Hòa (1565-1625)⁽¹⁰³⁾ và Thầy ĐJC,⁽¹⁰⁴⁾ các tư liệu gắn họ với việc bác lệ cống người vàng khá ít ỏi và xuất xứ tư liệu không được minh xác (sự hư cấu thấy rõ). Riêng điều đó đã cho thấy sự xuất hiện muộn màng và tùy tiện của giai thoại. Ở đây chúng tôi chỉ ghi nhận mấy trường hợp này như những hiện tượng mang tính chất phụ họa mà thôi. Việc các mô típ, chi tiết trong giai thoại về vị sứ thần này được mượn sang vị sứ thần khác là một hiện tượng rất phổ biến trong dân gian và trong truyền thuyết.

Như vậy, thuyết sứ thần bác bỏ lệ cống người vàng liệu có hạt nhân lịch sử nào không? Xin thưa khá nhiều. Bản thân các triều đại Đại Việt khi thực hiện việc cống người vàng đều không vui vẻ gì; tất cả đều miễn cưỡng và “giả vờ thần phục”. Cho nên, trong chừng mực nhất định, họ đều có ý thức làm thế nào phản đối, xóa bỏ việc này. Các sứ thần nhà Trần hẳn đã làm việc đó trước đòi hỏi vô lý của nhà Nguyên, cho đây là việc “từ xưa chưa từng có”. Sứ thần nhà Lê năm 1433 đã được giao nhiệm vụ “giải việc người vàng” (*Bang giao lục*). Sứ thần nhà Lê Trung hưng cũng định dùng vàng, bạc khối để thay thế người vàng hoặc tranh cãi về hình trạng người vàng. Và đặc biệt, có cả một văn bản biện luận về việc không cần phải cống người vàng. Đó chính là tờ *Bẩm Phức đại nhân*. Lời tranh biện trong văn bản này rất sắc sảo. Chúng ta hãy đọc đoạn cuối tờ bẩm (thực chất là biện) đầy cảm xúc này: “Ôi! Đời xưa ấy các nước chư hầu vào châu thiên tử, hoặc châu ở phương nhạc, hoặc châu ở kinh sư, ai đến được thì đến, còn ai không đến được thì sai con em vào châu, quý hồ bưng ngọc tốt cầm vật tin, sao cho người trên kẻ dưới hiểu nhau. Còn như đúc người vàng thay mình vào châu thì từ Đường, Ngụy, Tam Đại cho đến Hán, Đường, Tống chưa có bao giờ [...] Hai đời Nguyên Minh làm việc không theo đời xưa, sao đủ bắt chước? Cúi mong đại nhân, noi theo mệnh lớn, miễn cho nước tôi về việc đúc dâng người vàng, còn như lễ cống nạp lễ vật địa phương hàng năm, dám xin theo y lệ”.⁽¹⁰⁵⁾ Cũng chính từ lời bẩm này cũng như bài thơ Càn Long tặng cho Quang Trung mà đến thời hiện đại, các nhà nghiên cứu mang tinh thần dân tộc rất cao đã sáng tạo thêm một truyền thuyết nữa, rằng chính Ngô Thì Nhậm (hoặc vua Quang Trung) là người có công đã chấm dứt lệ cống người vàng.⁽¹⁰⁶⁾ Thực chất thế nào chúng ta đều có thể hình dung. Nhưng điều đó không làm mất đi cái tinh thần cốt tủy của người Việt từ xưa đến nay: không bao giờ chấp nhận một cách tự nguyện việc cống người vàng; nhiều khi tiến cống trong tư thế người chiến thắng và theo tinh thần yêu chuộng hòa bình. Chẳng qua là đối với thế lực lớn phương Bắc như thế, người Việt phải “chấp kinh tòng quyền”, “một điều nhịn chín điều lành”, “thần phục giả vờ”, “trong xưng đế, ngoài xưng vương” mà thôi! Và thực chất, cái gì cũng có giới hạn của nó, đi quá mọi sự sẽ khác. “Già néo đứt dây”, “quá mù hóa mưa”, “con giun xéo lắm cũng quằn” v.v... những câu thành ngữ dân gian Việt Nam phản ánh suy nghĩ và văn hóa ứng xử của người Việt quả rất đúng trong trường hợp này.

Điểm lại quá trình huyền thoại hóa việc cống người vàng từ sử liệu chính thống đến truyền thuyết dân gian, chúng ta nhận thấy, ngoài vai trò của các bộ sử Việt (qua nhiều đời) thì một tư liệu đóng vai trò quan trọng (sớm nhất và

cũng then chốt nhất) cho quá trình đó chính là từ *Bẩm Phúc đại nhân* trong *Bang giao hảo thoại*. Mọi thuyết về việc cống người vàng trong dân gian (từ đền mạng tướng giặc cho đến sứ thần biện bác việc cống người vàng; từ thuyết cống người vàng muộn cho đến thuyết thay đổi hình trạng người vàng) đều quy tụ về những điều ít nhiều được đề cập trong *Bẩm Phúc đại nhân*. Điều đó cho thấy vai trò quan trọng của một văn bản viết đối với quá trình huyền thoại hóa, dân gian hóa các sử liệu chính thống, các “sự thực lịch sử” (điều này tương tự như văn bản *Xuân đường đàm thoại* 春堂談話 đối với quá trình “huyền thoại, dân gian hóa” tiểu sử văn bản Hồ Xuân Hương; hoặc vai trò của văn bản *Bạch Vân am tiên sinh Nguyễn Văn Đạt phả ký* 白雲庵先生阮文達譜記 đối với quá trình huyền thoại, dân gian hóa tiểu sử, sự nghiệp Nguyễn Bình Khiêm).⁽¹⁰⁷⁾ Nói như vậy không có nghĩa là người đời sau nhất thiết phải đọc các văn bản này để kế thừa và phát triển nội dung của chúng mà chính xác hơn, từ bản đã phản ánh “động hình” nhận thức, tư tưởng đang phổ biến đương thời và chuẩn bị cho những xu hướng tiếp sau.

*
* *

Nghiên cứu hiện tượng “cống người vàng thể thân” từ sử liệu chính thống đến truyền thuyết dân gian, chúng tôi không hoàn toàn nhằm đến việc truy tìm sự thật, sử thật hay chân lý bởi qua các văn bản, các diễn ngôn của các chủ thể khác nhau rất khó có thể đi đến tận cùng của chúng (nếu có thì may ra cũng chỉ là tiệm cận mà thôi). Các văn bản, diễn ngôn này bị chi phối bởi rất nhiều điều kiện, ý thức hệ, quyền lực và tri thức khác nhau và vì vậy sẽ rất khác nhau. Chúng tôi cũng không có tham vọng truy nguyên nguồn gốc của chúng mà chỉ mong muốn đi tìm các “duyên cớ” mà chúng tồn tại, được thể hiện và phát huy tác dụng trong một giai đoạn hay một thời kỳ lịch sử nhất định. Trên tinh thần đó, chúng ta có thể nhìn thẳng vào hiện tượng “người vàng thể thân” mà không ngại đụng chạm đến những chủ đề “nhạy cảm” thuộc về khoa nghiên cứu lịch sử truyền thống. Đối diện với nó, bạch hóa nó là cách tốt nhất để chúng ta rút ra những bài học và vượt qua nó trong hiện tại và tương lai hơn là tạo ra những diễn ngôn vòng vèo, nhiều uyển ngữ, phức tạp mới. Bằng việc so sánh các văn bản, các diễn ngôn về “người vàng thể thân” chúng tôi tìm thấy những ngộ nhận (vô tình hoặc hữu ý), những diễn giải phản ánh các hệ hình tư tưởng khác nhau, thậm chí đối nghịch nhau, như: chủ nghĩa bá quyền, chủ nghĩa dân tộc, tư tưởng bảo hoàng, tư tưởng dân chủ, đấu tranh ý thức hệ... Qua khảo sát, chúng ta cũng thấy nổi lên vai trò của những văn bản, những diễn ngôn quan trọng, có tác dụng chi phối các văn bản, các diễn ngôn đương thời và về sau. Và cuối cùng có cả vai trò của những ngộ nhận thuộc về một hiện tượng mà học giả Umberto Eco đã đề cập đến trong cuốn *Khả năng cầu may - ngôn ngữ và sự mất trí*, đó là “sức mạnh của sai lầm”.⁽¹⁰⁸⁾

Hà Nội, tháng 11 năm 2012

N T T

CHÚ THÍCH

- (1) “Dân gian” (民間, folk), nghĩa nguyên gốc là trong dân, quần chúng nhân dân. Từ đó, chúng tôi hiểu “dân gian” là nhóm người, cộng đồng người nằm bên ngoài, bên dưới, có khoảng cách nhất định với hệ thống chính quyền trung ương hay hệ thống cai trị (chính thống). Sự phân biệt này thực ra chỉ là tương đối.

- (2) Nguyên văn: “一, 君長親朝; 二, 子弟入質; 三, 編民數; 四, 出軍役; 五, 輸納稅賦; 六, 仍置達魯花赤統治之” [Nguyên sử, Liệt truyện, Quyển 209, Ngoại di 2: An Nam]. Nguyên sử do nhóm Tống Liêm 宋濂 (1310-1381) soạn. Tân nguyên sử 新元史 của Kha Thiệu Mẫn 柯劭戩 (thời Thanh mạt) cũng chép tương tự.
- (3) Nguyên văn: “若果不能自覲, 則積金以代其身, 兩珠以代其目, 副以寶土, 方技, 子女, 工匠各二, 以代其土民. 不然, 修爾城池, 以待其審處焉” [Nguyên sử, Liệt truyện, Quyển 209, Ngoại di 2: An Nam].
- (4) Nguyên sử (Bản kỷ, Quyển 15). Lê Mạnh Thát trong Trần Nhân Tông toàn tập cũng đã đề cập đến tư liệu này [Lê Mạnh Thát (biên soạn), Trần Nhân Tông toàn tập, Nxb TP Hồ Chí Minh, 2000].
- (5) Nguyên văn “日烜尋遣使來謝, 進金人代己罪” [Nguyên sử, Liệt truyện, Quyển 209, Ngoại di 2: An Nam]. Tân nguyên sử nói rõ hơn: “日烜隨遣近侍官李修, 段可容貢方物, 且進代身金人贖罪, 并歸所獲俘愁, 悉黥其額曰: “天子兵”, 或黥曰: “投南朝” 云. 此至元二十五年之再敗也” (Nhật Huyền bèn sai quan Cận thị là Lý Tu, Đoàn Khả Dung cống phương vật, lại tiến người vàng thế thân để chuộc tội; kèm theo đó là thả các tù binh bắt được về, đều thêu vào trán mấy chữ “Thiên tử binh” hoặc “Đầu Nam triều”. Đây là lần thất bại thứ hai vào năm Chí Nguyên thứ 25 vậy) [Quyển 151, Ngoại quốc 3: An Nam]. Nguyên sử (An Nam truyện) còn chép: “元兵凡三破国, 杀获几十万, 然终不可久, 而日烜亦进代身金人赎罪, 诏止不伐”.
- (6) Về việc cống người vàng thời Nguyên (và Minh) xin xem: Lưu Minh Thứ 劉銘恕 (1948), “Nguyên đại An Nam tiến cống đại thân kim nhân” 元代安南進貢代身金人 (Người vàng thế thân do An Nam tiến cống thời Nguyên), tập san Nghiên cứu văn hóa Trung Quốc 中國文化研究匯刊, quyển 8, Trung Hoa Dân quốc, tr. 93-98; Trần Văn Nguyên (2006), “Nguyên Minh thời kỳ An Nam cống vật ‘đại thân kim nhân’ khảo thuật” 元明时期安南貢物 “代身金人” 考述 (Khảo thuật về cống vật ‘người vàng thay thế người thật’ của An Nam thời Nguyên Minh), tạp chí Khoa học xã hội, số 6, Thượng Hải, tr. 174-177; v.v...
- (7) Xem Liam Kelley, “Lời giới thiệu” cuốn Đi qua cột đồng Mã Viện (Beyond The Bronze Pillars, Honolulu: University of Hawaii Press, 2005, tr. 9-23), Lê Quỳnh dịch [URL: <http://www.talawas.org/talaDB/suche.php?res=5266&rb=0301>].
- (8) Điều thú vị nữa là ngay các sách này cũng không chép việc nhà Nguyên yêu sách “6 việc”. Toàn thư (Bản kỷ, quyển 5, tờ 30a) không chép việc này [Từ đây trích dẫn Toàn thư đều lấy từ Ngô Sĩ Liên (1993), Đại Việt sử ký toàn thư, Bản dịch của Viện Khoa học Xã hội Việt Nam, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội]. Tiền biên (Bản kỷ, quyển 5, tờ 42b) cũng không chép về “lục sự” [Từ đây trích dẫn Tiền biên đều lấy từ Ngô Thì Sĩ, Ngô Thì Nhậm (1997), Đại Việt sử ký tiền biên, Bản dịch của Lê Văn Bấy, Nguyễn Thị Thảo, Dương Thị The, Phạm Thị Thoa, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội]. Phải đến Cương mục (Chính biên, quyển 7, tờ 8a) mới thấy chép về yêu sách “6 việc” [Quốc Sử Quán triều Nguyễn, Cương mục, Chính biên, quyển 7, tờ 8a]. Từ đây, trích dẫn Cương mục đều từ bản dịch của Viện Sử học (Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2007).
- (9) Lê Tắc, An Nam chí lược (Quyển 15, tờ 140) chép: “Mùa xuân năm Mậu Tý (1288) niên hiệu Chí Nguyên, Trấn Nam Vương thoái quân về, Thế tử [tức Trần Nhân Tông] sai quan Cận thị Lý Tu và Đoàn Khả Dung sang cống phương vật tạ tội”. Ghi chép về tên sứ thần An Nam như vậy là trùng với ghi chép của Tân Nguyên sử (đã dẫn). Trong các tư liệu bang giao Việt-Trung, từ “phương vật” chỉ các loại thổ sản, nó được dùng độc lập với từ “kim nhân” hoặc “đại thân kim nhân”. Như vậy, trong “phương vật” không bao hàm “kim nhân”. Cương mục (Chính biên, Quyển 14, tờ 22-23) quan niệm “phương vật” bao hàm cả “kim nhân” là không chuẩn xác.
- (10) Nguyên văn: “按北史: 初元帝累遣使諭帝入朝, 皆不從. 復使使諭曰: 若果不身至, 當具金珠爲代, 以賢士, 工匠, 方技各二副之” [Tiền biên, Bản kỷ, Quyển 5]. Cương mục chép cụ thể hơn: “Trước đây, nhà Nguyên nhiều lần sai sứ sang dụ nhà vua vào chầu, nhà vua đều không theo. Sau nhà Nguyên lại sai Thượng thư là Lương Tăng sang dụ rằng: Nếu thật vua không thân sang chầu được thì phải đem đủ vàng ngọc sang để thay mình. Lại nộp người hiền tài, người làm thợ và người phương kỹ, mỗi hạng hai người để phụ bên” (初元人數遣使來諭以入覲帝不從. 元復遣尙書梁曾來諭曰: 若果不身至, 當具金珠爲代, 賢士, 工匠, 方士各二, 以副之) [Chính biên, Quyển 7, tờ 24-25].

- (11) Nguyên văn: “竊照: 此例自元人伐陳之歲. 陳君向順求封, 中國令該國王入覲. 陳君以疾辭. 故飭備金人爲國王形狀, 以代朝見, 陳君以其事非古獲免” [*Bang giao hảo thoại*, Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm, ký hiệu VHv.1831, tờ 23-24.]. Bản dịch trong *Ngô Thì Nhậm toàn tập* (Tập 3, Lâm Giang, Nguyễn Công Việt (chủ biên), 2004, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội) hoặc *Ngô Thì Nhậm tác phẩm* (Tập 1, Mai Quốc Liên (chủ biên), 2001, Nxb Văn học-Trung tâm Nghiên cứu Quốc học, TP Hồ Chí Minh) dịch ngược lại: “Trộm nghĩ lẽ ấy, có từ triều Nguyên đánh nhà Trần, vì vua Trần muốn thuận lợi trong việc cầu phong, nên Trung Quốc nhân cơ hội đó xuống lệnh sai vua nước ấy vào chầu. Vua Trần từ chối vì có bệnh, cho nên sức đức người vàng giống như hình Quốc vương để triều kiến thay. Vua Trần cho rằng việc ấy có từ xưa, không thể không làm” [*Toàn tập*, tr. 486; *Tác phẩm*, tr. 348].
- (12) Nguyên văn: “較與越史所載, 互有詳畧” [Khuyết danh, *Cổ kim giao thiệp sự nghi thông khảo*, Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm, ký hiệu: A.260, tờ 36b]. Sách (tờ 31b) có dẫn *Nguyên sử loại biên* chép rõ lời chiếu của Nguyên Thế Tổ như sau: “若果不能身至, 則積金以代其身, 兩珠以代其目, 副以賢士, 方技, 子女, 工匠各二, 以代其民. 不如, 修爾城池, 以待天兵之至”; Sách này (tờ 36a) cũng dẫn *Nguyên sử loại biên* chép, sau khi Thoát Hoan chạy về nước: “日烜隨遣使入謝, 且進代身金人贖罪, 并歸所獲俘愁, 悉點其額曰: “天子兵”, 或曰: “投南朝” 云. 此至元二十五年之再敗也”. Sách không ghi tác giả, niên đại, nhưng nó cứu xét cả *Toàn thư* và *Cương mục* (kết hợp với tên gọi và cách hành văn của nó) cho thấy sách phải được viết từ cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX.
- (13) Chẳng hạn, việc Trần Quốc Toản hy sinh như thế nào, ở đâu, sử Việt không ghi chép được, nhưng sử Trung Hoa (*Nguyên sử*) có ghi chép khá rõ.
- (14) Chẳng hạn, họ đã đánh chính việc Sài Trung sang Đại Việt năm 1278 (thay vì 1281) dựa vào việc tham khảo các sách như: *Thiên Nam hành kỷ* 天南行紀 của Từ Minh Thiện 徐明善 (thời Nguyên), *Nguyên sử loại biên* của Thiệu Viễn Bình 邵遠平 (thời Thanh) v.v...
- (15) Cả *Tiền biên* và *Cương mục* đều có tham khảo và trích dẫn *Nguyên sử loại biên*. Do đó, các soạn giả 2 công trình này không thể không biết đến chi tiết của yêu sách trên. Cũng có thể, cách diễn đạt của *Nguyên sử loại biên* không đủ rõ ràng để họ hiểu vàng và ngọc châu ở đây là để nói về “người vàng thể thân”.
- (16) Hoa Bằng (1943), “Trở lại vấn đề cống người vàng (1): Triều đại nào đã làm việc cống ấy trước?”, tạp chí *Tri tân*, số 101, 1er-Juillet, tr. 20.
- (17) Trần Nho Thìn đã phân tích trường hợp Lê Lợi cống người vàng trong khi đối thoại với tác giả Trần Văn Nguyên như sau: “Trong một bài viết gần đây về hiện tượng cống vật “đại thân kim nhân” (lấy người vàng thay thế người thực), một nhà nghiên cứu Trung Quốc đã tỏ ra không hiểu được sự tinh tế của đường lối đối ngoại “trong xung để ngoài xung vương” của các triều đại Việt Nam trong lịch sử. Tác giả Trần Văn Nguyên đã dẫn tư liệu sử học Trung Quốc (*Tuyên Tông thực lục*, *Tuyên Đức tam niên nhị nguyệt điều*), cho biết năm 1426, Tuyên Đức nguyên niên, Lê Lợi đã chủ động đề nghị làm biểu trần tình tạ tội, cống vật người vàng, người bạc thay thế người thật để người Minh bãi binh, sau đó, quân Minh bãi binh rút về nước, Lê Lợi thực hiện triều cống như đã định ước. Tác giả phản bác Phan Huy Chú là sử gia Việt Nam thế kỷ XIX, người đã giải thích việc triều cống này nhằm đền tội việc quân khởi nghĩa của Lê Lợi chém chết Liễu Thăng. Nhưng tiếc là tác giả này không tham khảo *Đại Việt sử ký toàn thư* là bộ sử viết gần sự kiện chống Minh hơn để thấy sử gia Việt Nam Ngô Sĩ Liên đã phản ánh đúng sự thực. Hành động cống người vàng của Lê Lợi không thể được xem là “biểu thị nguyện ý của tập đoàn Lê Lợi đối với việc cống vật xưng thần, hy vọng triều Minh bãi quân” như tác giả này viết. Sự thật là quân Minh rút về nước vì đã thất bại trên chiến trường chứ không vì Lê Lợi dâng cống vật tỏ sự thần phục” [Trần Nho Thìn, *Văn học trung đại dưới góc nhìn văn hóa*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2007, tr. 243-244].
- (18) Theo *Thù vực chu tư lục* 殊域周咨錄, năm thứ 3 niên hiệu Vĩnh Lạc (1405), nhà Minh “sai Hành nhân Chu Khuyển sang dụ cha con Hồ Quý Ly hứa hãy đem vàng đúc thành người thể thân, nộp cống thì được chuộc tội. [Cha con Quý Ly] không theo” (遣行人朱勸往諭季犛父子許其以金鑪身納款贖罪, 不從) [Nghiêm Tông Giản 嚴從簡, *Thù vực chu tư lục*, Quyển 5, An Nam]. Theo *Minh sử* do nhóm Trương Đình Ngọc 張廷玉 (1672-1755) biên soạn, đây là năm

nhà Minh cho hộ tống Trần Thiêm Bình về nước làm An Nam Quốc vương. Nhà Hồ đã phản kháng lại, giết chết Thiêm Bình. Nhà Minh tức giận sai Chu Năng và Trương Phụ đem quân xuống đánh. Quân Minh đến Long Châu dừng lại, sai Chu Khuyển xuống dụ. Như thế đủ thấy yêu cầu của nhà Minh là không thành thực và chỉ là một thủ đoạn khiêu khích, thăm dò Đại Việt.

- (19) Nguyên văn: “遣人奉表陳情謝罪，貢代身金人銀人等物” [Sử thần nhà Minh, *Minh thực lục*, Quyển 36]. Xem thêm: Hồ Bạch Thảo, Phạm Hoàng Quân (biên dịch, 2010), *Minh thực lục: quan hệ Trung Quốc-Việt Nam thế kỷ XIV-XVII*, Tập 2, Nxb Hà Nội.
- (20) *Minh sử* chép: “[Năm thứ 3 niên hiệu Tuyên Đức - 1428], bọn Kỳ trở về triều, Lợi sai sứ dâng biểu tạ ơn, nói dối rằng vào tháng Giêng, con cháu họ Trần đã tuyệt, người trong nước suy tôn Lợi giữ nước, kính cần đợi lệnh. Để biết là nói dối, không muốn phong ngay, lại sai Nhữ Kính và Vĩnh Đạt dụ Lợi và bề tôi, lệnh tìm họ Trần, cho đến quan lại nhân dân quyến thuộc. Mùa xuân năm sau [1429], bọn Nhữ Kính trở về triều. Lê Lợi vẫn nói hậu duệ họ Trần không còn một ai nữa, xin truyền mệnh lệnh khác. *Nhân đó tiến cống phương vật và tượng người vàng thế thân*. Lại nói rằng: Đứa con gái mới chín tuổi của thần gặp loạn lạc, sau đó biết tin là nó được Mã Kỳ mang về sung làm tỳ nữ trong cung. Thần không ngăn được nỗi nhớ con, đành phải mạo muội mà cầu xin. Hoàng đế trong lòng biết nếu họ Trần có còn thì Lợi cũng không nói, mà phong Lợi thì không có danh nghĩa gì, nên lại sai Kỳ và Nhữ Kính lệnh cho tìm lại. Vả lại báo cho Lợi biết là con gái đã bị bệnh chết” ([三年] 琦等還朝，利遣使奉表謝恩，詭言馮于正月物故，陳氏子孫絕，國人推利守其國，謹俟朝命。帝亦知其詐，不欲遽封，復遣汝敬，永達諭利及其下，令訪陳氏，并盡還官吏人民及其眷屬。明年春，汝敬等還，利復言陳氏無遺種，請別命。因貢方物及代身金人。又言：“臣九歲女遭亂離散，後知馬騏携歸充官婢，臣不勝兒女私，冒昧以請”。帝心知陳氏即有後，利必不言，然以封利無名，復命琦，汝敬諭再訪，且以利女病死告之” [Liệt truyện, Quyển 321, *Ngoại quốc 2: An Nam*]. Xem thêm: Nguyễn Văn Nguyên, *Tấu biểu đấu tranh ngoại giao của Nguyễn Trãi*, Nxb Thế giới, 2003, tr. 41. *Minh thực lục* chép sự kiện này vào ngày 11 tháng 2 năm Tuyên Đức thứ 4 [15/3/1429] [Xem Hồ Bạch Thảo, Phạm Hoàng Quân (biên dịch, 2010), Tập 2, Sdd, tr. 208].
- (21) *Minh thực lục* (Quyển 110) chép: “Quyển thụ An Nam quốc sự là Lê Lợi chết. Con Lợi là Lân [tức Thái Tông] sai Đầu mục Lê Truyền theo bọn Kỳ sang báo tang, lại dâng người vàng và phương vật” (其權署安南國事黎利死，利子麟遣頭目黎傳隨琦等來告喪且獻金人及方物) [Xem Hồ Bạch Thảo, Phạm Hoàng Quân (biên dịch, 2010), Tập 2, Sdd, tr. 232]. *Minh sử* có chép: “Năm Tuyên Đức thứ 8 (1433), Hoàng đế do việc thuế cống của An Nam không đúng ngạch, sai Từ Kỳ quay lại An Nam. Lúc bấy giờ, Lê Lợi đã mất, con Lợi là Lân còn phân vân chưa quyết. Kỳ lấy họa phúc mà giảng, Lân sợ, đúc người vàng thay mình và cống phương vật để tạ. Hoàng đế vui mừng...” (八年，帝以安南貢賦不如額，南征士卒未盡返，命琦復往。時黎利已死，其子麟疑未決。琦曉以禍福，麟懼，鑄代身金人，貢方物以謝。帝悅...) [*Minh sử*, Liệt truyện, Quyển 158: Từ Kỳ truyện].
- (22) *Minh sử* (Liệt truyện, Quyển 321, *Ngoại quốc 2: An Nam*) ghi việc Mạc Đăng Dung lên biên giới để khám duyệt (người mặc như tù để chịu tội) vào năm Gia Tĩnh thứ 19 (1540), vậy người vàng hẳn cũng phải được cống vào năm này. *An Nam truyện* 安南傳 (Quyển 2) của Vương Thế Trinh 王世貞 (1526-1590), *Vạn Lịch dã hoạch biên* 萬曆野獲編 (Quyển 17) của Thẩm Đức Phù 沈德符 (1578-1642) chép sự việc diễn ra vào năm Gia Tĩnh thứ 16 (1537). Có lẽ việc cống người vàng là cả một quá trình, cho nên mỗi sách chép mỗi khác. Tuy nhiên, năm chính thức tiến cống người vàng phải là năm 1540 (năm cầu phong cho Mạc Phúc Hải). *Minh thực lục* chép việc Trịnh Duy Liêu mang biểu của nhà Lê sang tố cáo Mạc Đăng Dung làm phản, dẫn đến việc nhà Minh bàn định đánh An Nam (diễn ra từ năm 1537) [Xem Hồ Bạch Thảo, Phạm Hoàng Quân (biên dịch, 2010), Sdd, Tập 3, Nxb Hà Nội].
- (23) *Minh sử* (Liệt truyện, Quyển 321, *Ngoại quốc 2: An Nam*).
- (24) Bài thơ như sau: “Vào châu vừa gặp buổi thời tuần / Mới thấy mà như kẻ vẫn thân / Thuở trước có đâu châu Tượng quốc / Đời xưa đáng bỉ việc kim nhân / Kể xa không quản bao đường trạm / Hội tốt từ nay gắng việc nhân / Nghĩ võ sửa văn là phải lối / Nhà Thanh lâu mãi vạn nghìn xuân” (Hoàng Văn Hòe dịch) (瀛藩入祝值辰巡，初見渾如舊識親。伊古未聞來象國，

- 勝朝往事鄙金人。九經柔遠祇重驛，嘉會于今勉體仁。武偃文修順天道，大清祚永萬千春) [*Đại Thanh thực lục*, Quyển 1357, tờ 17b-18a] [Nguyễn Trọng Hợp, Bùi Ân Niên, Trương Quang Dân, Đoàn Văn Bình, Hoàng Hữu Xứng (cuối thế kỷ XIX), *Đại Nam chính biên liệt truyện*, R.615, quyển 30, tờ 39b]. Xem thêm: Khuyết danh. *Đại Việt quốc thư*, Đình Thụ Hoàng Văn Hòe dịch, Bộ Quốc gia Giáo dục xuất bản, Sài Gòn, 1967, tr. 325.
- (25) Bài thơ viếng như sau: “Nước ngoài có lẽ sai bồi thần đến / Còn việc triều cận thì xưa nay chưa từng có ai tự đi / Nộp cống quý nhất là mang đến cửa ngọc / Còn nghi ngờ thì đáng cười việc nộp người vàng thay mình / Giữa thu hầy còn nhớ là nhìn thấy mũ mão nghiêm trang / Dưới gối chân thành như mối quan hệ cha con / Thơ bảy chữ không thể tả hết nỗi ai oán / Thương vì lòng trung ái xuất phát từ lòng chân thành” (外邦例以遣陪臣，展覲從無至己身。納款最嘉來玉闕，懷疑堪笑代金人。秋中尚憶見冠肅，膝下誠如父子親。七字不能罷哀述，憐其忠惻出衷真) [*Ngự chế thi tập* 御製詩集, Quyển 78, Văn Uyên Các Tứ khố toàn thư 文淵閣四庫全書, tr. 169] (Dẫn theo Trần Văn Nguyên (2006), *Nguyên Minh thời kỳ...*, Tlđd, tr. 176); [*Đại Nam chính biên liệt truyện*, Quyển 30, tờ 43a].
- (26) *Toàn thư* (Bản kỷ, Quyển 9, tờ 17a-b chép): “[Tháng 9 năm Tân Mão, 1411] Sai Hành khiển Hồ Ngạn Thần làm sứ giả cầu phong, Thẩm hình là Bùi Nột Ngôn làm phó, mang biểu văn, phương vật và hai tượng người bằng vàng và bằng bạc thay thân mình. Trước đó, vua đã sai Hành khiển Nguyễn Nhật Tư và Thẩm hình Lê Ngân sang cầu phong. Vua Minh nổi giận, bắt giam rồi giết cả. Đến đây lại sai bọn Ngạn Thần đi. Đến Yên Kinh, vua Minh sai Hồ Trùng giả vờ lấy ân tình cũ hỏi thăm quốc chủ khỏe hay yếu, tình hình trong nước thế nào, Ngạn Thần nói hết cả với Trùng. Nột Ngôn thì không chịu khuất phục. Nhà Minh giả cách cho vua làm Giao Chỉ Bố chính sứ, Ngạn Thần làm Tri phủ Nghệ An. Sứ về nước, Nột Ngôn tâu hết [17b] việc Ngạn Thần tiết lộ việc nước và nhận lệnh của giặc. [Vua sai] bắt Ngạn Thần giam ngục rồi giết”. Xem thêm: *Tiến biên* (Bản kỷ, Quyển 10, tờ 19a); Xem thêm *Cương mục* (Chính biên, Quyển 12, tờ 34a-b). *Minh thực lục* (Thái Tông, Quyển 111, tờ 6a) chỉ chép: “Ngày 26 tháng Chạp năm Vĩnh Lạc thứ 8 [20/1/1411], đầu đảng giặc là Trần Quý Khoáng sai bọn Hồ Ngạn Thần dâng biểu xin hàng. Thiên tử cho rằng có thể chuyển biến chúng sang con đường thiện nên chấp thuận, ban chức Bố chính sứ Giao Chỉ...” [Hồ Bạch Thảo, Phạm Hoàng Quân (biên dịch, 2010), Sđd, Tập 1, Nxb Hà Nội, tr. 342].
- (27) Điếm qua tình hình lịch sử thời Trần, Lê sơ (và cả về sau) thì thấy chỉ khi nào Đại Việt thắng lợi (hoặc triều đại phương Bắc cảm thấy bất lợi trong việc xâm chiếm Đại Việt), thì chúng mới chịu nhận lễ cống người vàng như một sự “thỏa hiệp”, còn không thì khẳng khái đòi vua ta vào châu để lấy cớ xâm chiếm nước Nam. Ở đây, dù một vài triều đại Đại Việt có “chủ động” tiến cống người vàng đi chăng nữa thì nguyên nhân sâu xa vẫn từ sức ép, “yêu sách” và sự gây khó dễ của các vương triều phương Bắc.
- (28) Tháng 12 năm 1426, trong tờ *Biểu cầu phong* 求封表 của Trần Cảo gửi nhà Minh ta chưa thấy có đề xuất tiến cống người vàng [Xem Nguyễn Văn Nguyên, *Tấu, biểu đấu tranh...*, Tlđd, tr. 265-70]. Tuy nhiên, *Minh thực lục* không chép việc Trần Cảo cầu phong [Hồ Bạch Thảo, Phạm Hoàng Quân (biên dịch, 2010), Sđd, tập 2]. Có thể suy đoán rằng, biểu này gửi qua quan lại nhà Minh ở Đại Việt chứ không gửi trực tiếp cho nhà Minh, hẳn quan lại nhà Minh đã không dâng về mà im đi. *Cương mục* (Chính biên, Quyển 14, tờ 22-23) cũng chép việc này và cho rằng “nhà Minh không trả lời”. Đến năm 1427, mới có một loạt những bức thư gửi tướng tá nhà Minh đề nghị được đúc người vàng tiến cống, chẳng hạn: bức *An Nam quốc Đầu mục Lê Lợi thư phúc Tổng binh quan Vương đại nhân, Thái giám Sơn Mã nhị vị đại nhân liệt vị quân tọa tiền* 安南國頭目黎利書復總兵官王大人太監山馬二位大人列位鈞座前 (đầu năm 1427 khi đang nghị hòa với Vương Thông) có chép: “Tôi nay muốn lặn lội vượt đường xa muôn dặm, đúc người vàng làm người, dâng tâu tạ tội, xưng thần xin nộp cống...” [Mai Quốc Liên chủ biên, *Nguyễn Trãi toàn tập tân biên*, Tập 1, Nxb Văn học & Trung tâm Nghiên cứu Quốc học, Hà Nội, 2001, tr. 739]; bức *Dũ Liễu Thăng thư* [Theo *Minh thực lục*, Lê Lợi gửi thư cho Liễu Thăng vào tháng 10 năm 1427, Thăng không mở ra xem mà sai người tâu về kinh] có đoạn: “Khoảng tháng 11 năm ngoái [1426], quan quân đóng giữ thành trì các xứ đều đã mở cổng thành, cởi giáp binh ra hòa giải với chúng tôi (...) Nay

tôi nghe nói tướng quân đem đại quân đến sát bờ cõi nước tôi (...) Các ông ví bằng xét rõ sự tình thời thế thì hãy đóng đại quân lại (...) tôi cũng *lập tức cho đúc tượng người vàng*, mang tờ biểu và thổ sản địa phương sang tiến cống” [Mai Quốc Liên chủ biên, *Nguyễn Trãi toàn tập...*, Sdd, tr. 665], bức thư này được chép lược lại trong *Minh thực lục* nhưng không có chi tiết người vàng; trong bức *An Nam quốc thư phụng thiên triều tỳ tướng liệt vị huy hạ* 安南國書奉天朝裨將列位麾下 (chú đề ngày 5 tháng 10 [1427]) lại chép: “Rồi sẽ đúc người vàng sai người mang đi theo sau dâng biểu nộp cống, để cho nước nhỏ chúng tôi được trọn lễ thờ nước lớn” [Mai Quốc Liên chủ biên, *Nguyễn Trãi toàn tập...*, Sdd, tr. 700]. Như vậy, cho đến tháng 10/1427, Lê Lợi vẫn chưa đúc người vàng. Đến tháng 11 mới đúc người vàng và dâng biểu đưa sang nhà Minh.

- (29) Trần Văn Nguyên (2006), *Nguyễn Minh thời kỳ...*, Tlđđ, tr. 177.
- (30) Bức thư có viết: “Tháng 11 năm nay, nước tôi cho đúc hai pho tượng người vàng, sắm đủ đồ sản vật địa phương để tiến cống, sai người về kinh tâu bày. May được triều đình nghị bàn, lại tuân theo đường lối của Thái Tổ cùng chiếu thư của Thái Tông Hoàng đế, thì đó là may cho nước Giao Chỉ chúng tôi, mà cũng là may lớn cho cả thiên hạ” [Mai Quốc Liên chủ biên, *Nguyễn Trãi toàn tập...*, Sdd, tr. 681]. Chúng tôi ngờ rằng, bức thư này không phải gửi cho Liễu Thăng mà gửi cho Vương Thông... vì mấy lý do: 1) Bức thư viết “tháng 11 năm nay”, “cho đúc hai pho tượng người vàng” vậy bức thư chỉ có thể viết vào tháng 12 năm 1427 khi sứ đoàn Lê Thiếu Dĩnh đã lên đường sang Yên Kinh (khi đó Liễu Thăng đã tử trận); 2) Đầu bức thư có viết: “Thư bảo cho các vị Tổng binh của “thiên triều” (*Thư thị thiên triều Tổng binh liệt vị* 書示天朝總兵列位 - có lẽ đây mới đúng là tên gốc của bức thư này); 3) Trong một bức *Dữ Liễu Thăng thư* khác (đã dẫn ở trên) có nói “sẽ đúc người vàng”, thì đó mới đích thực là thư gửi Liễu Thăng. Trần Văn Nguyên dựa vào bức thư “gửi các vị Tổng binh thiên triều” này để khẳng định rằng Lê Lợi chủ động đề xuất đúc người vàng vào năm 1426 là chưa chuẩn xác. Sau đó, đến các bức thư gửi Liễu Thăng, Vương Thông, Trần Trí, Sơn Thọ v.v... năm 1427 mới thấy việc Lê Lợi nói đến chuyện “sẽ đúc người vàng”, “lập tức đúc người vàng”... *Minh thực lục* chép việc Vương Thông hòa giải với Lê Lợi vào tháng 5/1427, vậy nếu có ý tưởng cống người vàng thì nó cũng phải xuất hiện từ thời điểm này trở đi [Xem Hồ Bạch Thảo, Phạm Hoàng Quân (biên dịch, 2010), Sdd, Tập 2].
- (31) Sử nhà Minh không chép việc này có lẽ muốn qua đó nhấn mạnh việc Lê Lợi “chủ động” dâng cống người vàng; thực tế cho thấy, việc dâng cống người vàng đều xuất phát từ sự đòi hỏi, vận vạ của các triều đại Trung Hoa (dù trực tiếp hay gián tiếp).
- (32) *Tiền biên* (Bản kỷ, Quyển 10) [Bản dịch, Sdd, tr. 561]. *Toàn thư*, *Cương mục* không chép chi tiết này. Tuy nhiên, *Cương mục*, Chính biên, Quyển 14 có trích một đoạn thư Lê Lợi gửi cho các tướng ở thành Bắc Giang [thành Bắc Giang bị hạ tháng 5/1427], trong đó có câu: “Trước đây, quan Tổng binh Thành Sơn hầu sau khi thua trận ở Ninh Kiều [tháng 11/1426], sai người đưa thư đến ta ước hẹn hòa giải” [*Dự Bắc Giang thành thư*]. Xem thêm các bức thư Lê Lợi gửi cho Vương Thông trong *Quân trung từ mệnh tập* của Nguyễn Trãi [Xem: Nguyễn Văn Nguyên, *Tấu, biểu đấu tranh...*, Tlđđ; Mai Quốc Liên chủ biên, *Nguyễn Trãi toàn tập*, Sdd].
- (33) *Toàn thư* (Bản kỷ, Quyển 10, tờ 45b-46a) chép: “Ngày 29 [tháng 11], sai sứ sang trình bày với nhà Minh. Trước đó, vua đã lập Trần Cảo. Hồi tháng 8, đã sai sứ sang cầu phong. Đến đây, lấy Hàn lâm đãi chế Lê Thiếu Dĩnh (người làng Khả Mộ, nay là Mộ Trạch, huyện Đường An), Chủ thư sứ Lê Cảnh Quang đều làm Thăm hình viện sứ. Quốc tử bác [46a] sĩ Lê Đức Huy, Kim ngô vị tướng quân Đặng Hiếu Lộc làm Thăm hình viện phó sứ (bốn người này đều là Đầu mục), Nội lệnh sứ Đặng Lục và Lê Trạc, Vũ vệ tướng quân Đỗ Lãnh và Trần Nghiễm đều làm An phủ sứ (bốn người này đều là tông nhân) đem tờ biểu và phương vật (hai pho tượng người bằng vàng thay cho mình, một chiếc lư hương bạc, một đôi bình hoa bạc, 300 tấm lụa thổ, 14 đôi ngà voi, 20 lọ xông hương áo, 2 vạ nén hương, 24 khối trầm hương và tốc hương) cùng với bọn chỉ huy do Vương Thông sai về, đều lên đường đưa về [Yên] Kinh”. Xem thêm: Bài *Tấu tiến cống tâu trình tạ tội* (chép trong *Bang giao bị lãm* 邦交備覽, *Ức Trai di tập* 抑齋遺集) [Xem Nguyễn Văn Nguyên, *Tấu biểu đấu tranh...*, Tlđđ]; *Cương mục* (Chính biên, Quyển 14, tờ 22-23); [Phan Huy Chú (2007), *Lịch triều hiến*

chương loại chí, Tập 2, Tổ Phiên dịch Viện Sử học, Nxb Giáo dục, Hà Nội, tr. 577]; *Mộ Trạch Lê thị phổ* 慕澤黎氏譜 (Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm, ký hiệu A.658, dị bản của nó là sách *Lê thị gia phả sự tích ký* 黎氏家譜事跡記 được lưu tàng tại Thư viện Quốc gia Hà Nội, ký hiệu R.2442). *Minh thực lục* có trích dẫn tờ biểu của Lê Lợi cầu phong cho Trần Cảo, nhưng không nói đến người vàng. Tờ tâu của Vương Thông dâng lên vua Minh xác nhận việc Trần Cảo “cống người vàng, người bạc thay thân” [Hồ Bạch Thảo, Phạm Hoàng Quân (biên dịch, 2010), Sdd, Tập 2, tr. 186].

- (34) *Toàn thư* (Bản kỷ, Quyển 10, tờ 61b) chép: “Ngày 19 [tháng 10, 1428], sứ nhà Minh là bọn Nhữ Kính về nước. Vua sai bọn Hà Lật sang tạ ơn nhà Minh và nộp lễ cống, tượng người vàng thế thân, và tâu rằng đã tìm hỏi con cháu họ Trần nhưng không còn người nào, các quan quân ra thú cũng đã lục tục đưa về rồi”. Xem thêm: *Cương mục* (Chính biên, Quyển 15, tờ 12-13).
- (35) *Toàn thư* (Bản kỷ, Quyển 11, tờ 1b-2a) chép: “Ngày mồng 4 [Tháng 1, năm Giáp Dần - 1434], sai Môn hạ ty hữu thị lang Nguyễn Phú (sau đổi là Nguyễn Truyền), Hữu hình viện lang trung Phạm Thì Trung cùng đi với sứ Bắc là bọn Từ Kỳ, Quách Tế sang nhà Minh. Trước đó, nhà Minh sai bọn Từ Kỳ đem thư sang hỏi về những người còn bị ta giam giữ và số vàng phải đem cống, cho nên vua sai bọn Phú sang để trả lời. Ngày mồng 6, sai bọn Tuyên phủ sứ Nguyễn Tông Trụ, Trung thư hoàng môn thị lang Thái Quân Thực, kỳ lão Đái Lương Bật mang tờ biểu và lễ vật địa phương sang nhà Minh cầu phong”. Xem thêm: *Cương mục* (Chính biên, Quyển 16, tờ 1a-b). *Cương mục* không chép về sứ đoàn sang Minh cầu phong. Bài *Biểu cầu tập phong*, *Biểu tạ ơn diếu tế*, *Biểu tạ ơn tập phong* của Lê Thái Tông và *Biểu quốc dân tạ ơn tập phong* dâng nhà Minh cũng không hề nhắc đến cống phẩm người vàng [Xem Nguyễn Văn Nguyên. *Tấu biểu đấu tranh...*, Tlđđ, tr. 297-303; Mai Quốc Liên chủ biên, *Nguyễn Trãi toàn tập...*, Sdd].
- (36) Nguyên văn “六年遣陳舜俞，阮可了，裴擒虎等如明歲貢及解金人事” (năm [Thuận Thiên] thứ 6, sai bọn Trần Thuần Du, Nguyễn Khả Liễn, Bùi Cẩm Hổ sang Minh tuế cống và giải việc người vàng) [Lê Thống (1819). *Bang giao lục*, Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm, ký hiệu A.614, tờ 24a]. *Bang giao lục* (A.691/1) cũng chép tương tự: “癸丑六年遣陳舜俞，阮可方，裴擒虎等如明歲貢及解金人事” (năm Quý Sửu, [Thuận Thiên] thứ 6, sai bọn Trần Thuần Du, Nguyễn Khả Liễn, Bùi Cẩm Hổ sang Minh tuế cống và giải việc người vàng). Tuy nhiên trong các tờ biểu đưa sang nhà Minh của Lê Thái Tông lại không đề cập đến việc cống người vàng. *Toàn thư* (Bản kỷ, Quyển 10, tờ 74a) cũng ghi chép về chuyến đi sứ này nhưng lại chép thành “giải thích về việc cống vàng hàng năm”: “Mùa hạ, tháng 4, ngày mồng 8, sai bồi thần là Trần Thuần Du, Nguyễn Khả Chi, Bùi Cẩm Hổ sang nhà Minh tiến cống. Vua Minh 3 phần, hoàng thái hậu và hoàng thái tử đều 1 phần, đồng thời giải thích việc cống vàng hàng năm” (夏四月八日，遣陪臣陳舜俞阮可之裴擒虎往明國進貢御前三分皇太后皇太子各一分并解歲金事). Mặc dù *Toàn thư* có trước *Bang giao lục*, nhưng có lẽ một lần nữa có thể *Toàn thư* lại cố ý xóa mờ dấu vết về việc cống người vàng bằng việc thay đổi văn từ.
- (37) Chi tiết “giải việc người vàng” này có lẽ là có để sau này tài liệu như *Bẩm Phúc đại nhân, Loại chí* khẳng định “đến giữa thời Lê xin bỏ lệ cống người vàng thay bằng đồ cống khác”... Lần này chưa giải được lệ cống người vàng, nhưng sau này việc đó cũng được chấm dứt (ít nhất là sau năm 1434) và củng cố thêm cơ sở cho nhận định trên của tờ *Bẩm Phúc đại nhân* và *Loại chí*.
- (38) *Toàn thư* (Bản kỷ, Quyển 15, tờ 72a-b) chép: “[Tháng 2, Mậu Tý - 1528] Đẳng Dung sai người sang Yên Kinh báo cho nhà Minh rằng: Con cháu họ Lê không còn ai thừa tự nữa, dặn lại cho đại thần là họ Mạc tạm coi việc nước, cai trị dân chúng. Vua Minh không tin, bí mật sai người sang dò thăm tin tức trong nước, xét hỏi nguyên do, ngầm tìm con cháu họ Lê để lập lên. Họ Mạc thường trả lời bằng những lời lẽ văn hoa, lại đem nhiều vàng bạc đút lót. Đến khi sứ giả về, mật tâu là con cháu họ Lê đã hết, không ai nối ngôi được, đã ủy thác cho họ Mạc. Người trong nước đều tôn phục và theo về họ Mạc cả, xin tha tội cho họ. Vua Minh mắng không nghe, Đẳng Dung sợ nhà Minh hỏi tội, bèn lập mưu cắt đất dâng nhân dân hai châu Quy, Thuận và hai tượng người bằng vàng và bạc cùng châu báu, của lạ, vật lạ. Vua Minh thu

nhận. Từ đấy Nam Bắc lại thông sứ đi lại”. Truyện *Mạc Đăng Dung* của Lê Quý Đôn chép: “[Tháng 2, Mậu Tý - 1528] Đăng Dung do cướp ngôi mà được nước, cho nên sợ nhà Minh hỏi tội, bèn sai sứ thần sang Yên Kinh dâng biểu nói: Con cháu họ Lê không còn ai thừa tự, cho nên di chúc cho đại thần họ Mạc tạm quản việc nước, để yên nhân dân. Người Minh biết đó là giả dối, không tin, bèn mật sai người sang thăm dò tin tức, gạn hỏi căn do. Đăng Dung cùng bọn bày tôi thường bày đặt lời lẽ để đối đáp, lại dùng vàng bạc đút lót những viên tướng nhà Minh giữ biên thủy, để nhờ họ che chở” [Lê Quý Đôn (1978), *Đại Việt thông sử*, trong *Lê Quý Đôn toàn tập*, Ngô Thế Long dịch, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, tr. 267]. *Cương mục* không chép sự kiện này. Như vậy, trừ *Toàn thư*, các sử liệu sau đều không thừa nhận việc Mạc Đăng Dung cống người vàng vào năm 1528 mà thay vào đó nghi ngờ ghi chép của *Toàn thư*. Điều này là có lý bởi nhà Minh không dễ dàng nhận ngay người vàng của họ Mạc (cũng như sau này đối với nhà Lê Trung hưng). Đối chiếu với các tư liệu khác, ta sẽ thấy ghi chép này chưa chuẩn xác. Nhiều nhà nghiên cứu lịch sử như Trần Quốc Vượng, Đinh Khắc Thuân... cũng đã đặt vấn đề nghi ngờ ghi chép này. Chi tiết cống người vàng ở đây được đem ra để công kích triều đại đối nghịch. Ở thời hiện đại, có tác giả người họ Mạc viết tiểu thuyết *Mạc Đăng Dung* lại hư cấu ra việc nhà Mạc không chịu cống người vàng, còn nhà Lê Trung hưng thì nhanh nhẩu tiến cống, thậm chí còn hứa tiến cống người vàng có kích thước lớn hơn! [Xem: <http://mactoc.com/newsdetail/211/tieu-thuyet-mac-ang-dung.aspx>]. Rõ ràng, chi tiết cống người vàng được 2 bên đem ra để “bôi nhọ” lẫn nhau!

- (39) *Bang giao chí* của Phan Huy Chú dẫn bài biểu của Mạc Đăng Dung gửi nhà Minh (sứ đoàn do Mạc Văn Minh dẫn đầu cùng với Hứa Tam Tĩnh... sang Minh xin cầu phong cho Mạc Phúc Hải) chép: “Năm Gia Tĩnh thứ 17 [1538], cha con thần đã sai bọn Nguyễn Văn Thái dâng biểu xin hàng và xin xem xét, thực do tấm lòng trung thành, không dám man trá (...) ngày mồng 3 tháng 11 năm Gia Tĩnh thứ 19 [1540], thần đem bọn tiểu mục Nguyễn Thạch Quế, Nguyễn Thế Khanh, bọn kỳ lão Lê Thuyên, Nguyễn Tổng và bọn sĩ nhân Nguyễn Kinh Tế, Dương Duy Nhất, Bùi Chí Vĩnh, kính đợi ở cửa Nam Quan, tự trời mà ra ngoài cõi, đến doanh đại tướng, cúi đầu tỏ lòng trung thành để xin hàng (...) Thần lại muốn chiếu theo việc cũ của triều trước, đúc người vàng thể thân, muốn dâng lên ngay, lại sợ đường đột” [Phan Huy Chú (2007), *Lịch triều...*, Tập 2, Sđd, tr. 556-557] [Hồ Bạch Thảo, Phạm Hoàng Quân (biên dịch, 2010), Sđd, Tập 2, tr. 216 cũng dẫn bài biểu này]. *Toàn thư* (Bản kỷ, Quyển 16, tờ 3a-b), chép sự kiện năm 1540, Mạc Đăng Dung lên Nam Quan “chịu tội”. *Cương mục* (Chính biên, quyển 27, tờ 32-33) cũng chép tương tự. Đối chiếu với sử nhà Minh thì thời gian Mạc Đăng Dung sang cống người vàng đúng là cuối năm 1540 để cầu phong cho Mạc Phúc Hải (năm 1542, đúng 3 năm sau, có đoàn tuế cống sang Minh, nhưng không còn cống người vàng nữa. Vậy là theo định lệ thời Lê, nhà Mạc 3 năm 1 lần tuế cống).
- (40) Về việc này, *Cương mục* (Chính biên, Quyển 27, tờ 34) cho rằng: “Từ năm Gia Tĩnh thứ 7 (1428) đến năm thứ 17 (1538), trải hàng 10 năm chưa từng có sứ đi lại thông hiếu, thế mà sử cũ, ở năm Gia Tĩnh thứ 7 đã vội chép rằng: Đăng Dung tính chuyện cắt đất...”.
- (41) Chẳng hạn, *Bang giao chí* chép: “Trang Tông năm Nguyên Hòa thứ 10 (1542), Mạc Đăng Dung đã được phong [1540], sai bọn Nguyễn Chiêu Huấn, Vũ Tuân và Tạ Đình Quang đem sản vật sang tiến cống nhà Minh gồm lư hương và bình hoa bằng vàng 4 bộ (nặng 100 lạng), rùa vàng một con (nặng 90 lạng), hạc bạc 2 bộ (nặng 150 lạng), mâm bạc (nặng 50 lạng), bình hoa và lư hương bằng bạc 2 bộ (nặng 150 lạng), mâm bạc 12 chiếc (nặng 641 lạng), trầm hương (60 cân), tốc hương 148 cân” [Phan Huy Chú (2007), *Lịch triều...*, Sđd, Tập 2, tr. 603]. Các sử gia đời sau đều nhận xét là lễ cống của nhà Mạc rất hậu theo sách lược “đút lót” nhà Minh để tránh phải đối đầu quân sự.
- (42) *Toàn thư* (Bản kỷ, Quyển XVII, tờ 56a-b) chép: “Ngày mồng 5 [tháng 2, Bính Thân 1596] vua đích thân đốc suất bọn Hữu tướng Hoàng Đình Ái, Thái úy Nguyễn Hoàng, Nguyễn Hữu Liêu, Thái phó Trịnh Đỗ và các tướng sĩ, binh tướng gồm hơn 1 vạn đến cửa trấn Nam Giao hẹn ngày hội khám. Bấy giờ nhà Minh dây dưa thoái thác, đòi lấy người vàng, ấn vàng theo lệ cũ, không chịu đến khám, thành ra quá kỳ hạn”. Xem thêm *Cương mục*, Quyển 30,

- tờ 15. *Bang giao lục* của Lê Thống cũng chép tờ dụ của vua Minh đòi An Nam cống phương vật và người vàng giống như đã yêu cầu với nhà Mạc.
- (43) *Toàn thư* (Bản kỷ, Quyển 17, tờ 57b) chép: “Tháng 8 nhuận [Bính Thân, 1596], ngày mồng 1, nhật thực. Bấy giờ sai thợ đúc 2 tượng người vàng và bạc, đều cao 1 thước 2 tấc, nặng 10 cân, lại đúc 2 đôi bình hoa bạc, 5 chiếc bình hương nhỏ bằng bạc, lại sắm sẵn lụa thổ quuyến và các vật cống để phòng sang sứ phương Bắc; ...Tháng 12 (Bính Thân, 1596)..., sai bọn Hộ Bộ Thượng thư kiêm Đông các học sĩ Thông quận công Đỗ Uông làm quan hầu mệnh, cùng với Quảng quận công Trịnh Vĩnh Lộc mang hai người vàng người bạc và các vật cống tới thành Lạng Sơn để đợi nhà Minh hội khám. Bấy giờ viên thổ quan Long Châu của nhà Minh nhận nhiều của đứt lót của bọn họ Mạc, vì thế vào bè với chúng mà thoái thác, nên việc không xong, lại vừa gặp tết Nguyên đán, bọn Đỗ Uông, Vĩnh Lộc lại trở về Kinh” [*Toàn thư*, Bản kỷ, Quyển 17, tờ 58a-b]. Xem thêm *Cương mục* (Quyển 30, tờ 18b-19a).
- (44) *Toàn thư* (Bản kỷ, Quyển 17, tờ 58a-b) chép: “Tháng này [tức tháng 4 năm Đinh Dậu - 1597 - NTT], nhà Minh lại sai viên quan ủy nhiệm là Vương Kiến Lập tới nước ta đòi lễ cống và giục hội khám. Điệp văn tới Kinh sư, triều đình nghị bàn việc khởi hành. Ngày 28, vua đích thân đốc suất bọn Hữu tướng Hoàng Đình Ái, Thái úy Nguyễn Hoàng, Nguyễn Hữu Liêu, Thái phó Trịnh Đồ cùng 7, 8 viên tả hữu đô đốc và 5 vạn binh tướng, đem theo cả viên quan ủy nhiệm của nhà Minh Vương Kiến Lập cùng đi, lên cửa trấn Nam Quan ở Lạng Sơn. Tháng 4, ngày mồng 10, vua chỉnh đốn binh tượng, qua cửa trấn Nam Quan, cùng với quan nhà Minh là bọn Tả Giang tuần đạo, Án sát phó sứ Trần Đôn Lâm và quan các phủ Tư Minh, Thái Bình, các châu Long Châu, Bằng Tường tỉnh Quảng Tây cử hành hội khám. Trong lễ giao tiếp, hai bên đều vui vẻ mừng nhau. Từ đấy, hai nước Nam Bắc lại trao đổi với nhau”. Xem thêm *Cương mục* (Chính biên, Quyển 30, tờ 18-19). *Minh sử* cũng chép sự kiện này. *Bang giao lục* có chép 1 tư liệu (tờ tấu, không có tên) do một quan lại nhà Minh là Hoàng Kỷ Hiên 黃紀賢 soạn, ghi lại rõ quá trình hội khám diễn ra vào ngày 20 tháng 4 ở trấn Nam Quan. Tuy tờ tấu không đi sâu vào chi tiết người vàng nhưng cũng cho biết: ngày mùng 3 tháng 4 bề tôi của vua Lê mang người vàng và phương vật đến để khám nghiệm trước, rồi chỉ bảo cho nghi lễ để về diễn tập trước; ngày mùng 10 cùng tháng vua Lê bắt đầu sang đài Chiêu Đức để hội khám [xem *Bang giao lục*, tờ 165-190]. Mấy lần quan lại nhà Minh không đến “hội khám” hẳn vì hai bên còn nhiều bất đồng, trong đó có thể có sự bất đồng về hình trạng người vàng.
- (45) *Toàn thư* (Bản kỷ, Quyển 17, tờ 70a-b) chép: “[1597] sứ thần là bọn Phùng Khắc Khoan mang vật cống cùng người vàng thay thân mình, trầm hương, ngà voi đến Yên Kinh, dâng biểu xin theo lễ cống. Vua Minh xem biểu rất mừng, lại xuống chiếu phong vua làm An Nam Đô thống sứ ty đô thống sứ, quản hạt đất đai nhân dân nước Nam, và ban cho một quả ấn An Nam Đô thống sứ ty bằng bạc, sai bọn Phùng Khắc Khoan mang sắc thư về nước”. Xem thêm *Cương mục*, Quyển 30, tờ 18b-19a. Biểu của nhà Lê Trung hưng dâng nhà Minh có đoạn: “...Nay xin tiến người vàng thay mình để chuộc tội trước...” [Phan Huy Chú (2007), *Lịch triều...*, Tập 2, Sdd, tr. 562]. *Bang giao lục*, Tlđđ, tr. 218-219 cũng chép tờ biểu nhà Lê gửi nhà Minh nói rõ: “Sai bọn kỳ mục Phùng Khắc Khoan, Nguyễn Nhân Thiêm dâng tấu cùng phương vật, kèm dâng người vàng để xin được biểu hiện lòng trung thành” hoặc “cung tiến người vàng thế thân để xin chuộc tội” (tr. 221). *Bang giao lục* bản A.691/1 (trang 50) chép tờ biểu của Lê Duy Đàm có kê rõ các cống phẩm như sau: 2 bản tấu (1 bản của toàn quốc, 1 bản của kỳ mục); 1 người vàng thế thân, cùng phương vật (1 lò hương bạc, 1 đôi bình hương bạc, 100 xấp lụa địa phương; 14 đôi ngà voi; 1 vạn thẻ hắc tuyến hương, 24 hộp hương xông áo; 28 cân bạc liễn; 150 cân trầm tốc hương); kỳ mục là Phùng Khắc Khoan, Nguyễn Nhân Thiêm...
- (46) Sử liệu nhà Thanh không chép việc đòi cống người vàng. Rất có thể đây là việc làm “tự sáng tạo” của Phúc Khang An để giả bộ gây khó dễ với Tây Sơn, vì trong các sắc dụ của Càn Long gửi Phúc Khang An khi Nguyễn Huệ mới xin “tạ tội”, “đầu hàng” đều có lời dặn dò Phúc Khang An phải làm thế nào để Nguyễn Huệ phải sợ phục, khẩn nài nhiều lần thì

mới chấp nhận (mặc dù trong bụng Càn Long đã muốn dàn hòa lắm rồi). Trong những chỉ dụ của Càn Long không thấy nói đến việc đòi cống người vàng. Một trong những yêu sách của nhà Thanh là đòi Nguyễn Huệ vào “chiếm cận” hoàng đế. Sử liệu nhà Thanh cũng cho biết ngay khi mới thông hiếu Nguyễn Huệ đã cho Nguyễn Quang Hiển đi chiếm cận thay mình đồng thời hứa hẹn đến Bát tuần đại khánh của Càn Long sẽ trực tiếp sang chiếm cận. Việc này làm Càn Long khá hài lòng nên đã nhanh chóng sắc phong cho Nguyễn Huệ làm An Nam Quốc vương [Xem Hồ Bạch Thảo (biên dịch, 2007), *Thanh thực lục: Sử liệu chiến tranh Thanh-Tây Sơn*, Nxb Hà Nội]. Điều này cũng giải thích vì sao sự việc này chỉ xuất hiện trong đúng 1 tờ *Bẩm Phúc đại nhân*. Thực sự, nhà Thanh nói chung và Phúc Khang An nói riêng đều không muốn “già néo đứt dây” trong việc này. Hai bài thơ của Càn Long làm nói về người vàng cũng cho thấy, ông ta không dính dáng gì đến việc đòi cống người vàng.

- (47) Nhiều tư liệu đều nói Quang Trung sang triều cận là quốc vương giả do Phạm Công Trĩ đóng vai [*Hoàng Lê nhất thống chí, Đại Nam chính biên liệt truyện, A Voyage to Cochinchina*]. Riêng Nguyễn Duy Chính trong bài *Bảo kiến hay bảo tất: biên khảo về thời đại Quang Trung* lại cho rằng có thể đây là quốc vương thật (Phạm Công Trĩ cũng có mặt trong chuyến đi này bên cạnh quốc vương - đây là phát hiện của Hoàng Văn Hòe trong khi dịch tập *Đại Việt quốc thư*). Tuy nhiên, theo Nguyễn Duy Chính, giả hay thật chỉ là vấn đề chiến thuật giữ mình, còn về danh nghĩa đó vẫn là quốc vương của An Nam đương thời [URL: gio-o.com/nguyenduychinh.html; <http://vnthuquan.net/truyen/truyen.aspx?tid=2qtqv3m3237n2n1n4nnn31n343tq83a3q3m3237nvnn>].
- (48) Đó là cách nhìn của nhà Thanh và những thế lực có thiên kiến với nhà Tây Sơn (chẳng hạn, nhà Nguyễn). Còn ý nghĩa, tính chất của chuyến “nhập cận” này như thế nào, hiện có nhiều ý kiến tranh luận khác nhau mà trong khuôn khổ bài viết này chúng tôi không có điều kiện bàn luận. Có thể xem các công trình nghiên cứu về thời Tây Sơn của các học giả trong và ngoài nước, như: Hoa Bằng, Nguyễn Lương Bích, Phan Huy Lê, Tạ Chí Đại Trường, Nguyễn Duy Chính, Đỗ Bang v.v...
- (49) Nguyên văn: “安南在元明時，如陳日烜，莫登庸，黎維潭，俱以懷疑，不敢身入覲，皆進代身金人。蓋中朝威信既不能服其心，徒貽黷貨之譏，最堪鄙笑。若阮光平，身至山莊瞻謁，愛戴之情，不啻家人父子，為史牒所未有，朕之禮遇，亦不忍不加優異耳” [*Ngự chế thi tập*, Tập 5, Quyển 78, Tlđđ, tr. 169] (Dẫn theo Trần Văn Nguyên (2006), *Nguyên Minh thời kỳ...*, Tlđđ, tr. 176).
- (50) Nguyên văn “蒙教示：向例歷代遷革之初，須有金人代謝” [*Bang giao hảo thoại*, VHv.1831, tờ 23].
- (51) Trần Văn Nguyên (2006), *Nguyên Minh thời kỳ...*, Tlđđ, tr. 177.
- (52) *Bang giao chí* chép: “Xét: Lê cống người vàng triều trước đã thay đổi bằng thứ khác, đến đây nhà Minh lại yêu sách” [Phan Huy Chú (2007), *Lịch triều...*, Tập 2, Sđđ, tr. 602].
- (53) *Vạn Lịch đã hoạch biên*, Quyển 17 của Thẩm Đức Phù chép rằng: “Thời Nguyên [An Nam] dâng người vàng, lấy vàng ròng làm toàn thân, lấy ngọc châu lớn làm 2 mắt” (元時獻代身金人，以精金為全軀，以大珠為兩目).
- (54) Nguyên văn: “囚首面縛” [*Minh sử*, Quyển 321, Ngoại quốc truyện: An Nam]. Theo giải thích của trang *Hán điển* (zdict.net) thì “囚首面縛” có nghĩa là: “头不梳如囚犯”; “反绑着手面向胜利者 (...) 表示不再抵抗，自请受刑。这是古代君主战败投降的仪式” (đầu không chải như người tù, tay trói ngược về phía sau, hướng đến kẻ thắng, biểu thị ý không phản kháng nữa, tự xin được nhận hình phạt, đây là nghi thức đầu hàng của kẻ chiến bại dưới thời quân chủ).
- (55) Nguyên văn: “囚服面縛” [*Minh triều tiểu sử*, Quyển 14, “Vạn Lịch kỷ”].
- (56) Nguyên văn: “囚首跪縛綁獻之狀” [Dương Dân Thu, *Lâm Cao văn tập*, Quyển 4, Tlđđ].
- (57) Nguyên văn: “囚首徒跣，匍匐叩頭壇上，進降表” [*Minh sử*, Quyển 321, Ngoại quốc 2: An Nam]. *Bang giao lục* (A.691/1, tr. 194-195) của Lê Thống chép một bài tấu của quan lại nhà Minh dâng lên vua Minh cũng miêu tả diện mạo vua Lê lên biên giới hội khám như sau: “面縛徒跣，匍匐龍幄請死” (trói quặt tay, đi chân đất, bò trên nhà rồng xin được chết).
- (58) *Minh sử* chép: “Năm thứ 25, sai sứ hỏi kỳ hẹn, Dân Thu báo rằng tháng Tư. Đến hẹn, Duy Đàm đến ngoài cửa quan, người dịch hỏi về “sáu việc”. Đầu tiên là việc tự ý giết Mậu Hợp.

Đáp: “Vì việc phục thù gấp gáp, không kịp xin mệnh”. Lại hỏi đến chi phái của Duy Đàm, đáp: “là cháu họ Lê, tổ là Huy, từng được thiên triều ban sắc mệnh”. Lại hỏi đến Trịnh Tùng, đáp: “Đó là bề tôi nhiều đời của họ Lê, không phải kẻ làm loạn nhà Lê”. Hỏi: “Nếu đúng vậy thì có gì lại lẫn trốn?” Đáp: “Vì nghi thức không cấm đoán, chứ không dám trốn”. Hỏi: “Vì sao lại dùng ấn chương của vương hầu”. Đáp: “Vì quyền nghi mà phỏng theo, tạo nên rồi quen đi vậy”. Dụ bảo rằng: “Hãy cắt đất Cao Bằng cho họ Mạc, để nó còn duy trì không tuyệt”. Lại dụ rằng: “Đều là cớ thần cả. Ngày xưa họ Lê có thể ở sông Tất Mã, họ Mạc không ở riêng Cao Bằng được sao?” Bèn theo mệnh. Trao cho nghi tiết nạp khoản ở cửa quan, sai tập cho quen đi. Duy Đàm đốc suất bề dưới nhập cửa quan bái yết ở nhà ngự, theo nghi lễ cũ như Đấng Dưng. [Người dịch] lui về báo cáo Dấn Thu, xin dùng lễ chủ khách, không theo, bèn vái bốn vái rồi lui ra. An Nam đã định, xuống chiếu nhận cho Duy Đàm làm Đô thống sứ, ban lịch vào dâng cống, y như chuyện cũ của họ Mạc vậy. Ban đầu, Lê Lợi và Mạc Đăng Dung dâng người vàng thể thân, đều là đầu tóc như tù, tay trái quặt về sau. Duy Đàm cho rằng khôi phục chính thống, đúc tượng người vàng tự do, mặt nghiêm trang. Việc này sợ rằng có sự ngông ngạo, ra lệnh sửa đổi, bèn làm thành hình cúi đầu, khắc vào lưng rằng: “Cháu họ Lê nước An Nam thần Lê Duy Đàm không được bỏ cúi ở cửa trời, cung kính dâng người vàng thể thân, hối lỗi xin ban ơn”. Từ đó, An Nam lại thuộc về nhà Lê, mà họ Mạc chỉ giữ được một quận Cao Bằng” (Tạm dịch) (二十五年, 遣使請期, 寅秋示以四月. 邸期, 維潭至關外, 譯者詰以六事. 首擅殺茂洽, 曰: “復仇急, 不遑請命”. 次維潭宗派, 曰: “世孫也, 祖暉, 天朝曾錫命”. 次鄭松, 曰: “此黎氏世臣, 非亂黎氏也”. 然則何宵遁, 曰: “以儀物之不戒, 非遁也”. 何以用王章, 曰: “權仿爲之, 立銷矣”. 惟割高平居莫氏, 猶相持不絕. 復諭之曰: “均貢臣也, 黎昔可栖漆馬江, 莫獨不可栖高平乎?” 乃聽命. 授以款關儀節, 俾習之. 維潭率其下入關謁御幄, 一如登庸舊儀. 退謁寅秋, 請用賓主禮, 不從, 四拜成禮而退. 安南復定. 詔授維潭都統使, 頒曆奉貢. 一如莫氏故事. 先是, 黎利及登庸進代身金人, 皆囚首面縛, 維潭以恢復名正, 獨立而肅容. 當事嫌其倨, 令改制, 乃爲俯伏狀, 鐫其背曰: “安南黎氏世孫, 臣黎維潭不得匍伏天門, 恭進代身金人, 悔罪乞恩”. 自是, 安南復爲黎氏有, 而莫氏但保高平一郡) [*Minh sử, Quyển 321, Ngoại quốc truyện: An Nam*]. Dương Dấn Thu (khoảng trước sau năm 1590) tự Nghĩa Thúc, hiệu Lâm Cao, đỗ Tiến sĩ năm Vạn Lịch thứ 2 (1574), làm quan trải các chức Quảng Tây Án sát sứ ty Phó sứ, Tả Giang binh bị đạo, Tả giám quân... Tác phẩm có *Lâm Cao văn tập* 4 quyển, nay vẫn còn. *Bang giao chí* của Phan Huy Chú có chép: “Năm thứ 18 [1595] (ngang với năm Vạn Lịch thứ 23 nhà Minh), vua đã diệt được họ Mạc, sai Lê Tảo Dụng theo đường Yên Quảng đến Luồng Quảng, Tuần phủ Luồng Quảng là Đái Diệu xin [vua nhà Minh] sai quan khám xét, lại gửi thư cho viên Binh tuần đạo Tả Giang là Dương Dấn Thu yêu cầu vua [Lê] ra cửa quan để khám” [Phan Huy Chú (2007), *Lịch triều...*, Tập 2, Sđd, tr. 602]. Xét chức tước, vai trò của Dương Dấn Thu trong lần “hội khám” này, nhiều khả năng Dương Dấn Thu chính là nhân vật Trần Đôn Lâm mà sử Việt chép.

- (59) Nguyên văn “俯伏乞恩狀” [Dương Dấn Thu, *Lâm Cao văn tập*, quyển 4, Tlđd].
- (60) *Toàn thư* (Bản kỷ, Quyển 17, tờ 57b). Phan Huy Chú (2007), *Lịch triều...*, Tập 2, Sđd, tr. 604. Theo cách tính khối lượng, kích thước hiện nay: tượng người vàng, người bạc thời Lê sơ nặng khoảng 3,78kg tượng người vàng, người bạc thời Lê Trung hưng cao khoảng 48cm và nặng khoảng 6,05kg.
- (61) Nguyên văn: “囚首喪面, 其容俯” [*Bang giao hảo thoại*, VHv.1831, tờ 24]. Theo giải thích của trang *Hán điển* (zdict.net) thì “囚首喪面” có nghĩa là: “头不梳如囚犯, 脸不洗如居喪” (đầu không chải như người tù, má không rửa như đang cư tang).
- (62) Nguyên văn: “朝衣朝冠, 其容仰, 爲黎君之形, 以求恩上國” [*Bang giao hảo thoại*, VHv.1831, tờ 24].
- (63) Nhưng cũng chính vì vậy mà có một phản ứng “ngược” là nỗ lực xóa bỏ hiện tượng cống người vàng thời Lê sơ. Chẳng hạn trong các bộ tiểu thuyết chương hồi viết về thời Lê sơ như *Việt Lam xuân thu*, *Trùng Quang tâm sử...* ta không thể tìm ra một chi tiết nào đề cập đến việc Lê Lợi cống người vàng. Cái đáng chú ý ở những bộ tiểu thuyết này là chúng được viết vào giai đoạn cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX khi tinh thần dân tộc lên cao. Cũng tương tự như vậy, *Hoan Châu ký* của họ Nguyễn Cảnh khi ghi chép về nhà Mạc và nhà Lê Trung hưng cũng lại bỏ qua chi tiết cống người vàng.

- (64) Đinh Lệnh Uy (1925), “Lịch sử thượng chi kim nhân” 歷史上之金人, *Nam phong tạp chí* số 96, Juin (bản chữ Hán), tr. 93-94. Bài của Đinh Lệnh Uy cho thấy ông đã sử dụng văn bản tờ *Bẩm Phúc đại nhân* giống với văn bản phổ biến hiện nay chứ không phải bản mà sau đó không lâu Hoa Bằng có công bố. Nhưng ông lại cũng đọc và hiểu không sát ý tờ bẩm ở chỗ nói nhà Trần có cống người vàng. Việc hiểu nhầm đó vô tình lại đúng với ghi chép của sử sách Trung Hoa!
- (65) Quan điểm của Đinh Lệnh Uy như sau: “Xét: khi quân Nguyên đánh Trần, hăng xuống dụ ép vua Trần vào triều cận. Vua Trần chối lấy cớ rằng mình có tật. Người Nguyên sức phải sắm người bằng vàng làm giống hình dáng Quốc vương để thay sang triều kiến. Vua Trần sợ quân Nguyên luôn đến xâm lấn khuấy rối, sinh linh phải lắm than, cực chẳng đã phải nghe theo, dâng người vàng để cầu khỏi biến cố. Đó là lần đầu tiên dâng người vàng. Kịp đến khi vua Lê Thái Tổ được nước, vì cớ giết Liễu Thăng, phải dâng người vàng thể thân để tạ nhà Minh. Họ Mạc cướp nhà Lê. Người Minh (nguyên bản chữ Hán của Đinh Lệnh Uy viết là “清人”! - NTT) truyền đúc người vàng, *dáng như tù nhân, mặt bơ phờ, đầu cúi xuống*, dâng để chuộc tội. Đến Lê Trung hưng, lại đúc người vàng, thân đem tới tận Nam Quan, trình người Thanh (!) xét nghiệm. Nhân bấy giờ họ Lê đã mất, họ Trịnh giúp Lê, lòng nơi núi sâu kiếm lấy con cháu nhà Lê mà lập làm vua nước ta. Người Thanh (!) ngờ là họ Trịnh nói lừa, chứ chưa chắc hẳn là tông phái nhà Lê, liền sức bảo đúc người vàng *đội mũ, mặc triều phục, dáng người ngẩng lên: làm chân hình vua Lê, để cầu ơn ở nước lớn*. Về sau, khoảng giữa đời Lê Trung hưng mới bãi bỏ (nguyên văn: “後黎之中葉始亭”). Đến đời Quang Trung nhà Tây Sơn, Phúc Khang An nhà Thanh lại vin lệ cũ, bảo rằng: Mỗi khi thay triều đổi họ, nhà nào cũng phải có người vàng để tạ. Vậy sức bảo sắm lấy một pho người vàng mà dâng biểu. Song họ hàng Tây Sơn từ chối, không chịu...” (Hoa Bằng trích dịch, trong *Trở lại vấn đề cống người vàng (1)...*, Tlđđ, tr. 2-3). Có lẽ, hình thức chữ Hán của tư liệu này [Đinh Lệnh Uy (1925), *Lịch sử thượng chi...*, Tlđđ, tr. 93-94] (cũng như của sách *Cổ kim giao thiệp sự nghi thông khảo*) cũng là một nguyên nhân khiến cho chúng không được phổ biến rộng ở giai đoạn giao thời (“Nào có ra gì cái chữ Nho / Ông Nghè, ông Cống cũng nằm co” - Trần Tế Xương). Các tài liệu Quốc ngữ của Trần Trọng Kim, Hoa Bằng do đó có tiếng nói phổ biến hơn. Đây là ví dụ cho thấy quyền lực của văn tự cũng có vai trò rất lớn trong các hiện tượng văn hóa, lịch sử.
- (66) Thạch Bửu Thiên (1936), “Lịch sử người vàng - Một cuộc ngoại giao thắng lợi của triều Tây Sơn”, tuần báo *Sông Hương*, số 19, ra ngày 5 Decembre [in trong Phan Khôi (chủ nhiệm) (2009), *Sông Hương: tuần báo ra ngày thứ bảy (1/8/1936 - 27/3/1937)*, Nxb Lao động - Trung tâm Văn hóa Ngôn ngữ Đông Tây, Hà Nội, tr. 440-444]. Theo Thạch Bửu Thiên: “Đại thân kim nhân”, nghĩa là “con người vàng thế cho bản thân”. Bản thân đó là bản thân ai? Bản thân của vua nước An Nam, chứ còn ai nữa? Bốn chữ ấy, người Tàu hiểu hay người An Nam hiểu cũng một nghĩa như nhau: Lễ đáng ra thì vua nước Nam phải nộp mình về Trung Quốc mà chịu tội; nhưng đại hoàng đế bên “thiên triều” tha cho, chỉ bắt thay thế bằng một con người bằng vàng” [tr. 441]. Cũng theo ông, triều Trần Thái Tông cống người vàng lần đầu tiên, sau đó đến Lê Thái Tổ “vì vua đã giết Liễu Thăng, một viên đại tướng của Minh triều, nên về sau, khi hai bên giảng hòa xong mà vua nhà Minh còn kéo nài một khoản ấy. Rút cục vua Lê phải dựa theo lệ nhà Trần trước, dâng người vàng để thay thế cho bản thân. Theo sử văn thì lần dâng người vàng này cũng cùng một ý nghĩa với lần trước; có kẻ muốn hiểu rằng con “người vàng” ấy làm như thế mạng cho Liễu Thăng, không phải; lần thứ ba là nhà Mạc (người vàng cúi mặt, đầu bù tóc rối, mặt mày nhem nhuốc), lần thứ tư nhà Lê Trung hưng (đầu ngẩng lên, giống hệt vua Lê). “Từ nhà Trần về sau, có bốn lần bắt đầu bày ra sự dâng người vàng như trên đây đã kể. Nhưng mỗi một lần bày ra như thế, phải tuân tuần đến bao lâu mới thôi, nghĩa là từ đầu đến cuối, nước ta dâng “người vàng” cho Tàu cộng là bao nhiêu “người” cả thấy, sự ấy nếu biết được thì hay lắm, ngặt sử chép sơ lược không thể tra cho biết được” [tr. 442].
- (67) Xem Trần Trọng Kim (1920), *Việt Nam sử lược*, Nxb Trung Bắc tân văn, Hà Nội, in lần thứ nhất.

- (68) Theo Hoa Bằng cho biết, ông có viết về vấn đề này trên *Thế giới tân văn*, số 28, 29 ra ngày 15 và 22 Janvier, 1937 nhưng chúng tôi hiện chưa có điều kiện tiếp xúc với các bài viết đó. Tuy nhiên, quan điểm của Hoa Bằng được thể hiện qua một loạt 4 bài ông đăng trên tạp chí *Tri tân* năm 1943: Hoa Bằng (1943), “Chính vua Quang Trung có công trong việc phá bỏ lệ cống người vàng”, tạp chí *Tri tân*, số 83, 18-Fevrier, tr. 2-3 và 15; Hoa Bằng (1943), “Trở lại vấn đề cống người vàng” (1)..., Tlđđ; Hoa Bằng (1943), “Trở lại vấn đề cống người vàng (2): Không phải là Trần mà là Lê làm việc cống ấy trước”, tạp chí *Tri tân*, số 103, 15-Juillet, tr. 2-3 và 21; Hoa Bằng (1943), “Trở lại vấn đề cống người vàng (3): Trước triều Quang Trung ông Nguyễn Hăng ở đời Lê Giụ Tông (1705-1728) đã xin “đình” (dừng lại) được lệ cống ấy”, tạp chí *Tri tân*, số 104, 22-Juillet, tr. 2-3 và 21.
- (69) Hoa Bằng (1943), *Trở lại vấn đề cống người vàng (1)*..., Tlđđ, tr. 2, tr. 21.
- (70) Hoa Bằng (1943), *Trở lại vấn đề cống người vàng (2)*..., Tlđđ, tr. 2-3. Tương tự như Đinh Lệnh Uy, văn bản *Bẩm Phúc đại nhân* mà Hoa Bằng sử dụng không có phần đầu như các văn bản *Bẩm Phúc đại nhân* phổ biến hiện nay. Phần đầu bài biểu do Hoa Bằng sử dụng như sau: “Xưa các đời Trần, Mạc, vì có tội với Trung Quốc nên phải dâng người vàng thế hình. Quốc trưởng nước tôi từ trước là một người áo vải, nhân thời thế, vùng lên làm việc. Đối với Lê vương, vốn không có vai lứa ai là vua, ai là tôi chi cả. Còn hay mất là do ở số trời, theo hay bỏ là do ở lòng người. Quốc trưởng nước tôi không có ý lấy nước của vua Lê mà đem sánh với kẻ tranh giành cướp đoạt? Vả lại, trước đây Tổng đốc Tôn Sĩ Nghị đem binh lính sang, quốc trưởng nước tôi bắt đắc dĩ phải ứng phó lại chứ không hề xâm phạm bờ cõi của quý quốc để có tội. Nay thấy ngài (Phúc Khang An) theo lệ Trần, Lê, Mạc cũ mà bắt cống người vàng, vậy thì quốc trưởng nước tôi được nước một cách quang minh chính đại té ra lại phải liệt vào hàng tiếm ngụy như nhà Mạc, mà chút lòng cung thuận từ tặc thành sợ Trời, thờ nước lớn lại phải chung một lệ như nhà Trần giết Ô Mã Nhi, nhà Lê giết Liễu Thăng ư? Như vậy, kể về tình thì quốc trưởng nước tôi bị ức, không thể không trông ở ngài cân nhắc cho vậy...”. Về toàn bộ bài biểu mà Hoa Bằng sử dụng, xin xem bài: Hoa Bằng (1943), *Chính vua Quang Trung...*, Tlđđ. Theo như mô tả của Hoa Bằng trong các bài viết của ông thì hầu hết các nhà nghiên cứu đương thời với ông đều dùng văn bản này. Điều đó dẫn đến sự nhận thức về việc cống người vàng thời Trần có phần hạn chế (phần nhiều dừng ở sự phỏng đoán hoặc phủ nhận).
- (71) Hoa Bằng (1943), *Trở lại vấn đề cống người vàng (2)*..., Tlđđ, tr. 2.
- (72) *Bang giao hảo thoại*, VHv.1831, tờ 23-24. Lời dịch trong: Lâm Giang, Nguyễn Công Việt (chủ biên), *Ngô Thì Nhậm toàn tập*, Tập 3, Sđđ, tr. 487-488.
- (73) Trần Nghĩa (chủ biên, 1993), *Tổng tập tiểu thuyết chữ Hán Việt Nam*, Tập 2, Nxb Thế giới, Hà Nội, tr. 155. Sách *Lam Sơn thực lục tục biên* do Đỗ Công Bưu 杜公彪 chép năm 1942 có chép một dị bản khác của câu chuyện này với đôi chút sai dị: “Đến khoảng niên hiệu Chính Hòa thời Lê Hy Tông (!), Tiến sĩ, Lại Bộ Thượng thư Tố quận công Nguyễn Công Hăng đi sứ phương Bắc, không chịu nộp cống [người vàng]. Triều đình phương Bắc truy hỏi. Nguyễn Công Hăng trả lời: Nếu trận Chi Lăng mà không thất bại thì Liễu Thăng liệu có sống đến ngày hôm nay? Khí thế lời lẽ mạnh mẽ, thẳng thắn; người phương Bắc thán phục, bèn bỏ lệ này” (至禧宗正和間，東岸縣，扶珍社進士，吏部尚書，素郡公阮公沆北使，不肯常納。北朝詰之。公沆曰：芝陵不敗，柳升于今存乎？詞氣壯直，北人嘆服，坐施其制) [*Lam Sơn thực lục tục biên*, Viện Nghiên cứu Hán Nôm, ký hiệu VHv.1384/1-2, tờ 21].
- (74) Phi-li-phê Bình, *Sách số sang chép các việc*, Viện Đại học Đà-lạt, 1968, tr. 494-499. Dẫn theo Nguyễn Thị Chân Quỳnh. *Ký sự đi Thái Tây: Phi-Li-Bê Bình (1759-1830?) Phạm Phú Thứ (1821-1882)*, URL: http://chimviet.free.fr/lichsu/chquynh/chqyn_kysudithaitay.htm
- (75) Phan Huy Chú (2007), *Lịch triều...*, Tập 2, Sđđ, tr. 603. Phan Huy Chú hẳn có đọc tờ *Bẩm Phúc đại nhân* trong sách của Ngô gia văn phái. Nếu tờ bẩm viết rằng nhà Trần đã cống người vàng thì Phan Huy Chú hẳn phải biết và không thể viết như trên. Vì vậy, chúng ta có cơ sở tin rằng bản dịch tờ *Bẩm Phúc đại nhân* hiện nay hiểu chưa chuẩn xác tinh thần của tờ bẩm. Với sự uyên bác của Phan Huy Chú, hẳn ông cũng phải biết việc đòi cống người

- vàng đã có từ thời Nguyên. Vậy thì ở đây, có lẽ tình cảm dân tộc đã chiến thắng tư duy khoa học, niềm kính ngưỡng với một vị tiền nhân đồng hương đã cao hơn tình thần sử học.
- (76) Trần Trọng Kim (1999), *Việt Nam sử lược*, Nxb Văn hóa Thông tin (tái bản), Hà Nội, tr. 251.
- (77) Hoa Bằng (1943), *Trở lại vấn đề cống người vàng (3)...*, Tlđđ, tr. 3, tr. 21.
- (78) Hoa Bằng (1943), *Trở lại vấn đề cống người vàng (3)...*, Tlđđ, tr. 2-3.
- (79) Vũ Ngọc Khánh (2001), *Kho tàng giai thoại Việt Nam*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 2001, tr. 606-607.
- (80) Phan Huy Chú (2007), *Lịch triều hiến chương loại chí*, Tập 1, Tổ Phiên dịch Viện Sử học, Nxb Giáo dục, Hà Nội, tr. 310.
- (81) *Hoan Châu ký* 驩州記 của họ Nguyễn Cảnh (tiết 2: “Nghị Hoàng đế tiến đóng Đông Kinh/ Phùng Khắc Khoan phụng sứ Bắc quốc”) chép việc Phùng sang sứ Yên Kinh cũng không có chi tiết tranh biện về người vàng; *Nam triều công nghiệp diễn chí* 南朝功業演志 của Nguyễn Khoa Chiêm có 1 đoạn dài kể về giai thoại Phùng sang sứ Bắc quốc (mượn nhiều chi tiết dân gian kiểu Mạc Đĩnh Chi đi sứ thời Nguyên: người xấu xí, chim sẻ, phân biệt ngựa con ngựa mẹ...) nhưng cũng không có giai thoại cống người vàng. “Truyện Phùng Khắc Khoan” trong *Nam Hải dị nhân liệt truyện* 南海異人列傳 của Phan Kế Bính cũng vậy.
- (82) Nguyên văn: “金人入覲詞無屈, 玉橐揚拂筆欲仙” [Trần Duy Phương, Phùng Khắc Đồng (1998), *Trạng Bùng - Làng Bùng*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội, tr. 184-185].
- (83) Nguyên văn: “長跪雙童石作餐/金人不似會南關” [Trần Duy Phương, Phùng Khắc Đồng (1998), Tlđđ, tr. 169-170]. Tuy nhiên, bài thơ của Lê Duy Trung nói đúng bối cảnh của việc tranh biện về người vàng là ở Nam Quan, không phải ở Trung Hoa.
- (84) Theo thông lệ, việc tiến cống phải được thống nhất từ trước qua con đường công văn giấy tờ hoặc bàn thảo trực tiếp ở biên giới hai nước (trừ những trường hợp bất thường phát sinh trên con đường đi sứ). Vì vậy khó có thể có chuyện sứ thần Đại Việt sang Trung Hoa mới biện bạch về hình dạng người vàng. Nếu có thì đó là biện bạch cho những lần sau, hoặc những vấn đề khác. Có thể tham khảo điều này qua các văn kiện ngoại giao giữa hai nước trong quá khứ.
- (85) Hoa Bằng (1943), *Trở lại vấn đề cống người vàng (3)...*, Tlđđ; Bùi Duy Tân, Ngọc Liễn, *Trạng Bùng Phùng Khắc Khoan*, Ty Văn hóa Thông tin Hà Sơn Bình, 1979; Trần Lê Sáng, *Phùng Khắc Khoan: Cuộc đời và thơ văn*, Nxb Hà Nội, 1985; Trần Lê Sáng, “Về sự nghiệp ngoại giao của cụ Trạng Bùng Phùng Khắc Khoan”, trong *Phùng Khắc Khoan: Cuộc đời và thời đại* (Kỷ yếu Hội thảo khoa học Danh nhân văn hóa Phùng Khắc Khoan), Sở Văn hóa Thông tin Thể thao và Du lịch Hà Tây - Ủy ban Nhân dân huyện Thạch Thất, 1993, tr. 66-71; Nguyễn Vinh Phúc, “Phùng Khắc Khoan: Thời đại - cuộc đời”, trong *Phùng Khắc Khoan: Cuộc đời và thời đại*, Tlđđ, tr. 14-21; Bùi Duy Tân (chủ biên), *Thơ văn Trạng Bùng Phùng Khắc Khoan*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2007 v.v... Tiêu biểu có ý kiến của nhà Hà Nội học Nguyễn Vinh Phúc. Ông cho rằng: “Kỳ tích của Phùng trong lần ngoại giao này chính là việc “người vàng” và “tước phong” cho vua ta (“...”). Từ đó trở về sau, nhà Minh phải chấp nhận mẫu người không cúi đầu” [Nguyễn Vinh Phúc, *Phùng Khắc Khoan: Thời đại - cuộc đời*, Tlđđ, tr. 20] v.v...
- (86) Giuliano Baldinotti (1626), *Tường trình về Đàng Ngoài*, Hồng Nhuệ Nguyễn Khắc Xuyên dịch, URL: <http://www.dunglac.org/index.php?m=module3&v=chapter&ib=77&ict=622>.
- (87) Giáo sĩ Antonio Francisco Cardim chép: “Có chín tỉnh thuộc về lãnh thổ nhà chúa [tức vua Lê], còn chúa Đàng Trong, vua người Lào và chúa Cao Bằng thường thì phải đến triều cống, còn về phần ông, thì mỗi năm phải phái người sang triều cống vua Trung Quốc mà ông thân phục, phẩm vật thì gồm ba tượng vàng và ba tượng bạc, giá bằng 5 hay 6 nghìn êcu” [Antonio Francisco Cardim (1644), *Tường trình về Đàng Ngoài*, Hồng Nhuệ Nguyễn Khắc Xuyên dịch, URL: <http://www.dunglac.org/index.php?m=module2&v=chapter&id=85&ib=77&ict=624>]. Ghi chép này hẳn là sao lại ghi chép của Giuliano Baldinotti.
- (88) Nguyên văn: “迨黎之中葉, 金人之獻亦既 停罷, 自此歲貢儀物, 惟有金子折作, 已爲故典” [*Bang giao hảo thoại*, VHv.1831, tờ 23-24].

- (89) Phan Huy Chú (2007), *Lịch triều...*, Tập 2, Sdd, tr. 603.
- (90) Phan Huy Chú (2007), *Lịch triều...*, Tập 2, Sdd, tr. 602.
- (91) Trần Trọng Kim (1999), *Việt Nam sử lược*, Sdd, tr. 251.
- (92) Hoa Bằng (1943), *Chính vua Quang Trung...*, Tlđđ, tr. 2.
- (93) Vũ Ngọc Khánh cho rằng “điều thường được ghi vào sử sách từ khoảng thế kỷ XVII trở đi là nhiều sử giả của ta sang Trung Quốc đã yêu cầu xin bãi bỏ lệ cống người vàng. Nhiều câu chuyện được truyền văn hoặc được ghi chép về vấn đề này, khá là thú vị” [Vũ Ngọc Khánh (2001), *Kho tàng giai thoại...*, Tlđđ, tr. 607].
- (94) *Đại Việt sử ký tục biên* chép: “Mùa hạ, tháng tư [Mậu Tuất, 1718] [Triều đình] sai Bồi tụng Nguyễn Công Hãng, Nguyễn Bá Tông sang Thanh cáo phó về việc tang vua Huy Tông, Bá Tông chết dọc đường (...) Tháng 9, đoàn sứ thần Nguyễn Công Hãng từ Yên Kinh về nước” [Sử quán nhà Lê, *Đại Việt sử ký tục biên*, Ngô Thế Long, Nguyễn Kim Hưng dịch, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 2011, tr. 73-75].
- (95) *Bang giao chí* chép: “[1718] (ngang với năm Khang Hy thứ 57 nhà Thanh), sai bọn Nguyễn Công Hãng, Nguyễn Bá Tông sang Thanh cáo tang Hy Tông. Khi bọn Nguyễn Công Hãng trở về, có mang tờ tư của Lễ Bộ nói vua Thanh cho 6 năm cống một kỳ nộp cả hai lễ, chỉ sai bồi thần 3 viên, tùy hành 20 viên. Từ đó sứ bộ cống có một viên Chánh sứ và hai viên Phó sứ” [Phan Huy Chú (2007), *Lịch triều...*, Tập 2, Sdd, tr. 606-607].
- (96) *Bang giao chí* chép: “[1715] (ngang với năm Khang Hy thứ 54 nhà Thanh), sai Nguyễn Công Cơ, Lê Anh Tuấn, Đinh Nho Hoàn, Nguyễn Mậu Áng sang cống nhà Thanh. Khi Nguyễn Công Cơ trở về, có đem tờ tư của Lễ Bộ nói là phụng chỉ vua Thanh, những đồ cống vật như lư hương, bình hoa bằng vàng và chậu bạc cho chiếu theo số cân đúc thành đỉnh vàng, đỉnh bạc mà nộp cống, giao cho Bố chính ty Quảng Tây thu trữ, còn ngựa voi và sừng tê cho miễn cống” [Phan Huy Chú (2007), *Lịch triều...*, Tập 2, Sdd, tr. 606-607].
- (97) Trần Nghĩa (chủ biên, 1993), *Tổng tập tiểu thuyết...*, Tlđđ, tr. 155.
- (98) Chẳng hạn *Toàn thư* (Bản kỷ, Quyển 21, tờ 21b) chép: “Đinh Sửu, [Dương Hòa] năm thứ 3 [1637], (Minh Sùng Trinh năm thứ 10) [...] Tháng 3, sai sứ sang nhà Minh. Bọn Nguyễn Duy Hiểu, Giang Văn Minh, Nguyễn Quang Minh, Trần Nghi, Nguyễn Bình, Thân Khuê sang cống hàng năm và cầu phong”.
- (99) Nguyễn Hữu Tạo (1849), *Thám hoa công truy trạng bi*, văn bia đặt tại từ đường họ Giang ở Mông Phụ, Đường Lâm (Hà Nội).
- (100) Giang Văn Hiến (1849), *Giang thị gia phả*, Thư viện Quốc gia Hà Nội, ký hiệu R.1910 tờ 12-14.
- (101) Nguyễn Khắc Đạm, Bùi Huy Hồng, Nguyễn Vy, Ngọc Liên... (1976), *Danh nhân quê hương*, Tập 3, Ty Văn hóa Hà Sơn Bình xuất bản. Giai thoại được tác giả Hà Kinh kể như sau: “Một hôm, nhân ngày tiết khánh thọ của vua Minh, tất cả sứ thần các nước có mặt tại dịch xá đều mũ áo chỉnh tề, mang theo lễ vật vào triều kiến “thiên triều”. Riêng ông Minh không chịu đi và nằm lăn ra mà khóc lóc thảm thiết, cố ý làm sao việc này lọt được đến tai vua Minh. Được tin báo, vua Minh vừa tức giận, vừa sửng sốt, cho rằng đây là việc chẳng thường, bèn cho sứ ra gọi ông Minh vào chầu để xem hư thực ra sao? Được lệnh triệu vào chầu, ông Giang Văn Minh mũ áo chỉnh tề, đàn hoàng tiến vào sân rồng yết kiến vua Minh. Thấy ông Minh có dáng người đi đứng uy nghi lắm liệt, tài trí thông minh lanh lợi, nói năng hoạt bát, vua Minh liền phán rằng: “Hôm nay là ngày khánh thọ của thiên triều, cả nước vui mừng, các sứ thần đều phấn khởi vui mừng yến tiệc, có sao một mình sứ thần lại không vui mà lăn ra khóc lóc thảm thiết như vậy là có ý gì?” Ông Minh liền đồng dục tâu rằng: “Theo lệnh vua Lê, sứ thần được sang triều cống quý quốc thắm thoát đã hàng năm lưu lạc trên đất khách quê người nhưng vẫn chưa làm tròn trọng trách, còn lòng dạ đâu mà vui được. Nay đã đến ngày giỗ vị tăng tổ của thần mà thần vẫn chưa được về quê hương dâng hương tưởng niệm, như vậy chẳng là đắc tội với tiên tổ hay sao?”, rồi ông lại ôm mặt mà khóc. Nghe rõ sự tình, vua Minh liền cả cười mà phán rằng: “Nhà người quả là người trung hiếu vẹn toàn, thật là chí lý. Nhưng tưởng chuyện gì chứ việc ông tổ đã ba đời rồi đến nay còn gì là ràng buộc tình cảm nữa mà phải lo mang

tiếng với người đời chỉ vì không về quê hương tưởng niệm”. Nghe xong vua Minh phán, ông thoáng thấy một ý hay, có thể nhân cơ hội này mà giúp cho nước nhà một việc lớn, ông liền tâu rằng: “Thần cũng nghĩ như vậy, nhưng khốn nỗi, người đời có nghĩ thế đâu! Ngay như việc Thiên triều bắt dân tôi năm nay lại phải cống người vàng để trả “nợ Liễu Thăng”, mà Liễu Thăng thì đã chết cách hơn 200 năm rồi. Chuyện cũ đã mờ, mà dân tôi hàng năm cũng vẫn còn chưa được thiên triều xóa bỏ lệ cũ. Hơn nữa vua tôi nhà Lê có tội gì đâu mà hàng năm thiên triều vẫn đòi lễ cống! Đó chẳng phải là một việc vô lý, trái với đạo lý và thể diện của Quốc vương tôi sao? Ngày nay, thiên triều khuyên thần đừng thương nhớ người quá cố, thì thần cũng xin thiên triều noi theo mệnh lớn mà từ nay miễn cho nước tôi lệ đúc người vàng để tiến cống nữa. Đó chẳng phải là một việc tốt để gây lại mối giao hảo bền vững giữa hai nước láng giềng đó sao?”. Trước lời tâu chân tình, lý lẽ đanh thép và đẩy sức thuyết phục đó, vua Minh cũng tự thấy việc bắt dân Nam hàng năm vẫn phải dâng lễ cống người vàng để trả “nợ Liễu Thăng” là vô lý, nên đã ra lệnh bãi bỏ lệ cống người vàng, và cũng từ đây hàng năm dân ta chấm dứt được cái việc trả “nợ Liễu Thăng” kéo dài từ thế kỷ thứ 15 đến lúc bấy giờ” [tr. 47-49]. Hà Kính cũng cho rằng: “Chúng bắt vua Lê hai lần phải lên tận trấn Nam Quan để xét hỏi, nhận mặt và còn sách nhiễu đòi lễ vật và cống nạp người vàng mà nhân dân ta thời đó thường gọi là trả “nợ Liễu Thăng”. Sau nhiều lần cầu phong và xin xỏ, vua Lê mới được nhà Minh phong cho làm An Nam Đô thống sứ và ban cho một chiếc ấn bạc (ý muốn không công nhận nền độc lập của nước ta mà chỉ coi nước ta là một thuộc quốc). Nhưng chẳng bao lâu, phong trào nông dân khởi nghĩa nổi dậy khắp nơi và nhà Minh đang có nguy cơ bị sụp đổ. Trong lúc đó, vua Lê, chúa Trịnh vẫn một lòng mê muội thi hành chính sách ươn hèn bạc nhược, không còn giữ nổi thể thống của một quốc gia phong kiến độc lập nữa. Được thể, nhà Minh ngày càng lấn áp và sách nhiễu vua Lê. Sau nhiều năm đã bãi bỏ lệ cống người bằng vàng mà thay bằng đồ cống nạp khác, lúc này nhà Minh lại yêu sách bắt vua Lê mỗi năm phải đích thân lên tận thành Lạng Sơn để “hội khám” và dâng đồ cống lễ gồm 2 người bằng vàng và bạc, mỗi người đều cao 1 thước 2 tấc và nặng 10 cân cùng nhiều đồ cống vật khác. Có lần chúng không thèm đến nhận lễ, vua Lê phải lủi thủi trở về kinh” [tr. 45-46]. Việc nhấn mạnh và nói quá việc cống người vàng của tác giả có 2 mục đích: tố cáo nhà Minh, đồng thời phê phán sự hèn yếu của nhà Lê. Lưu ý rằng, cuốn sách này ra đời trong bối cảnh căng thẳng Việt Nam-Trung Quốc đã bắt đầu lên cao; nó cũng ra đời trong hoàn cảnh phong trào “phản đế, phản phong” vẫn còn rất sôi nổi đương thời.

- (102) Giai thoại được kể như sau: “Công trạng đáng nhớ [của ông] là trong đấu tranh ngoại giao, đòi lại đất, bỏ lệ cống người vàng. Sau chiến thắng quân Minh, năm 1428 Lê Lợi lên ngôi, có đưa biểu nghị hòa, cầu phong. Minh Tuyên Đế công nhận nhưng đòi vua Đại Việt sang Yên Kinh bái yết và đòi đến người vàng Liễu Thăng (bị ta chém chết ở ải Chi Lăng). Vua ta thoái thác yết kiến và để giữ hòa bình cho cống người vàng, thành lệ hàng năm. Tuy nhiên, cũng tùy lúc mạnh yếu mà cống hay không. Đến đời Thanh, chính quyền phong kiến phương Bắc vẫn thường hay hặc hỏi; bằng đấu tranh ngoại giao, bác biện những lý lẽ vô lối, Hà Tông Huân đã giúp nước ta bỏ hẳn lệ này” [Nguyễn Sĩ Đại, *Ông Trạng làng Vàng*, URL: <http://www.baomoi.com/Ky-IV--Ong-Trang-Lang-Vang/54/6420952.epi>].
- (103) Giai thoại được kể như sau: Ngô Trí Hòa được cử làm Chánh sứ sang triều Minh năm 1606, ông đã có công “thuyết phục vua Minh bỏ lệ cống người vàng thay bằng vật phẩm khác” [Trần Minh Siêu (2009), “Những hiện tượng độc đáo trong khoa bảng xứ Nghệ”, trong *Thông tin Khoa học - Công nghệ Nghệ An*, số 2, URL: http://www.ngheandost.gov.vn/JournalDetail/ar238_Nhung_hien_tuong_doc_dao_trong_khoa_bang_xu_Nghe.aspx].
- (104) Phi-li-phê Bình, *Sách sổ sang chép các việc*, Tlđđ.
- (105) *Bang giao hảo thoại*, VHv.1831, tờ 23-24. Lời dịch trong: Lâm Giang, Nguyễn Công Việt (chủ biên), *Ngô Thì Nhậm toàn tập*, tập 3, Sđd, tr. 487-488.
- (106) Chẳng hạn, Đình Lệnh Uy cho rằng: “Phúc Khang An sau khi xem [tờ bẩm] lời thẳng thắn, lý hào hùng, không dám thi hành lại yêu sách. Đương thời triều đình Tây Sơn có thể nói là có người giỏi, hơn hẳn các triều Trần Lê” (福康安見詞直理壯，不敢復行要索。當時西山朝庭，

可謂有人，勝於陳黎遠矣) [Đinh Lệnh Uy (1925), *Lịch sử thượng chí kim nhân...*, Tlđđ, tr. 94]. Hoa Bằng viết: “Bức thư phản kháng ấy quả có công hiệu. Vua Thanh phải nhượng bộ, rồi tỏ cái ý ‘bất chấp được, tha làm phúc’ trong mấy câu thơ này tặng vua Quang Trung: *Thắng triều vâng sự bĩ kim nhân*” [Hoa Bằng (1943), *Chính vua Quang Trung...*, Tlđđ]. Vũ Ngọc Khánh còn bình luận: “Không biết các ông đã đấu tranh, thuyết phục như thế nào (sử không ghi cụ thể). Triều đình nhà Thanh xem việc nhận người vàng như thế là xấu, không vinh dự gì cho “thiên triều”. Câu thơ của vua Càn Long viết: *Thắng triều vâng sự bĩ kim nhân*. Nghĩa là triều nhà Thanh là một triều đại cao quý, xem việc cống người vàng của các thời trước là việc làm thô bỉ” [Vũ Ngọc Khánh (2001), *Kho tàng giai thoại...*, Tlđđ, tr. 610].

(107) Xem: Đào Thái Tôn (1999), *Hồ Xuân Hương: tiểu sử văn bản, tiến trình huyền thoại dân gian hóa*, Nxb Hội Nhà văn, Hà Nội; Trần Khuê (1996), “Cần hiểu đúng Nguyễn Bình Khiêm và vương triều Mạc”, trong *Nghiên cứu và tranh luận*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.

(108) Nguyên văn: “The force of falsity”. Đây là tên một tiểu luận trong cuốn: Umberto Eco (1999), *Serendipities: Language and Lunacy*, translated by William Weaver, Orion Books Ltd, London.

TÓM TẮT

Bài viết đặt vấn đề tìm hiểu hiện tượng tiến cống “người vàng thể thân” trong lịch sử bang giao Việt-Trung thời trung đại. Trong bài viết này, từ việc phân tích các sử liệu chính thống, quan phương (còn gọi là “chính sử”) ghi chép về việc cống “người vàng thể thân” từ cả hai phía (Trung-Việt), phân tích nhóm tư liệu phi chính thống, tư nhân hoặc vô danh (mang nhiều tính giai thoại của loại “chuyện ngoài chính sử”) mà chúng tôi tạm gọi là “truyền thuyết” của dân gian (kể cả người phương Tây) trong sự đối sánh thường trực với nhau, bài viết sẽ chỉ ra sự lệch pha, khác biệt quan điểm, thái độ và động thái của các bên, các nhóm mà các sử liệu, tư liệu đại diện để làm rõ sự chi phối của các tác nhân bên ngoài như chủ thể, bối cảnh, mục đích, quyền lực, tri thức... đến sự phản ánh cũng như diễn giải, tiếp nhận một hiện tượng lịch sử. Bài viết cũng chỉ ra sức mạnh chi phối của những văn bản “then chốt” và sức mạnh của cả những “ngộ nhận” trong sự diễn hóa của các văn bản, các diễn ngôn.

ABSTRACT

OFFERING “GOLDEN STATUE IN HUMAN SHAPE” AS A TRIBUTE: FROM OFFICIAL HISTORICAL RECORDS TO FOLK LEGENDS

The article discusses the phenomenon of offering “golden statue in human shape” as a tribute in the history of Vietnam-China diplomatic relations during medieval times. In this article, from the comparative analysis between official historical records (also referred to as “history written by the Imperial court”) noting the offering “gold human body” as a tribute in both China and Vietnam records, and non-orthodox, private or anonymous materials (with many anecdotes of the kind of “unofficial history”) that we, including the Westerners, call folk legends, we will point out the differences of viewpoints, attitudes and motives of both sides represented by various historical records, both official and unofficial, to clarify the domination of such external agents as subject, background, purpose, power, knowledge... in reflecting, interpreting, and receiving a historical phenomenon. The article also points out the dominant power of the “key” texts and the power of the “misunderstandings” in explaining the texts or discourses.